

**Chương XIV**  
**NGUYỄN PHƯỚC CHIÊU (1/2/1889-3/9/1907):**  
**Vua "Cách Mạng" & Người "Tổng Hợp Tật Tội Đông Tây?"**

Trong khối dã sử tiểu thuyết Việt ngữ cổ điển, và ngay tại Liên bang Mỹ vào đầu thế kỷ XXI, Nguyễn Phước Chiêu, niên hiệu Thành Thái, thường được xưng tụng như một vị vua có tinh thần cách mạng, chống Pháp, khiến bị truất phế và lưu đày. (1) Tuy nhiên, báo chí đương thời và tư liệu văn khố vẽ nên một hình ảnh hoàn toàn trái ngược. Một viên chức Pháp đã hẳn học đao bút vua thứ mười nhà Nguyễn là "điểm hội tụ của mọi tật tội Đông và Tây." (2)

1. Xem, Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Tân Biên*, quyển 7 (Sài Gòn: 1972), tr. 13-16.
2. CAOM (Aix), GGI, dossier 9577.

Một cái nhìn khách quan cho thấy vua biểu trưng sự khủng hoảng thường trực giữa cương vị "nửa người, nửa thánh" của một quốc vương hay Hoàng đế định hướng nho giáo, với thực tế bề bàng của vai trò một "lãnh tụ tinh thần" [*les fonctions religieuses*] mà chế độ Bảo hộ Pháp muốn vua thủ diễn. (3).

3. Báo cáo chính trị tháng 7 và 8/1907, Gougal gửi Colonies; CAOM (Aix), AF, carton 9, d. A-20 (54), p 14.

Vua cũng là nạn nhân tội nghiệp của những âm mưu tranh giành quyền lực trong phạm vi cấm thành, từ thông ngôn Diệp Văn Cương và đồng liêu là ký lục Lê Duy Hình tới những thái hậu, thái giám, cung phi cùng các phe nhóm đại thần, quan chức—những nhà độc tài

"khúm núm"(4)—và ngay cả sự hiềm khích âm ỉ giữa các viên chức thuộc địa có khuynh hướng Cộng Hòa hoặc tả khuynh [nhóm Tam Điểm = Freemason], với Hội Truyền giáo hải ngoại mà mục tiêu chỉ nhằm củng cố và phát triển cộng đồng Ki-tô trong xã hội Việt Nam.

4. Báo cáo số 241 API, ngày 9/4/1917, Sarraut gửi Colonies; CAOM (Aix), INF, carton 18, d. 166.

Đáng lưu ý nhất là dưới triều Nguyễn Phước Chiêu, người Pháp đạt được mọi tu chính cần thiết cho Hiệp ước Bảo hộ 6/6/1884 để bảo đảm tính căn bản pháp lý cho nền bảo hộ trực trị của Pháp khắp Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Tuy nhiên, cá nhân vua không đạt tiêu chuẩn Pháp trông đợi. Bởi thế những lỗi lầm nhỏ góp dần thành gió bão, đưa đến cuộc truất phế năm 1907, và cuộc sống lưu đầy 9 năm ở Cap St-Jacques [Vũng Tàu], rồi hơn 31 năm tại Réunion từ năm 1916 tới 1948. Trở lại Sài Gòn năm 1948, Nguyễn Phước Chiêu vẫn bị chỉ định cư trú ở Sài Gòn, và chỉ được vĩnh viễn hồi hương sau khi từ trần ngày 28/4/1954.

## **I. GIAI ĐOẠN ÁU THỜI, 1889-1896:**

Triều Nguyễn Phước Chiêu gồm hai giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn ấu thời từ 1889 tới 1896, và giai đoạn trưởng thành, 1897-1907. Tựu chung, quyền lực vua chẳng có gì thay đổi—một chức vụ "rủ buông tay áo" cho người Pháp cai trị. Đáng kể nhất là ảnh hưởng triều Nguyễn ngày một thu hẹp, theo phương trình nghịch với sức bành trướng của quyền lực bảo hộ. Hiệp ước 6/6/1884 liên tiếp bị tu chính, để nền bảo hộ Pháp trở

thành một thể chế nghiêng về bảo hộ trực tiếp mà không phải kiểm soát như đã ký kết. Từ vua xuống các đại thần và quan tỉnh huyện đều trở thành công chức bản xứ của Liên bang Đông Dương, có nhiệm vụ thi hành mọi chỉ thị của các viên chức Pháp. Trong khi đó, lãnh thổ còn dưới quyền cai trị biểu kiến của triều đình Huế cũng thu teo còn 12 tỉnh miền Trung, từ Thanh Hóa tới Bình Thuận—trừ đi một số nhượng địa, như ba thị xã Đà Nẵng, Hải Phòng, Hà Nội, cùng các vị trí đặt tòa khâm sứ, công sứ, hay các trại binh ở các tỉnh. (5)

5. Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí* [Gazetteer of Great Southern [Kingdom]. [1865-1875?]. bản dịch Phạm Trọng Điềm và Đào Duy Anh, Viện Sử Học, (NXB Thuận Hóa, 1997), 5 tập [do các dịch giả xếp đặt lại]. Soạn vào triều Nguyễn Phước Thời (khoảng 1865-1875. Trước 1875, vì Hà Tĩnh vẫn còn là đạo, thay vì tỉnh. Dựa trên bản viết tay HV 140 của Viện Sử học [cựu ĐNNTC]. Bản HV 38 thiếu mấy quyển về Bắc, Trung và toàn bộ miền Nam. [Sẽ dẫn ĐNNTC, (1997)]. Bộ *Đại Nam Nhất Thống Chí* [Gazetteer of Great Southern [Kingdom], do nhóm Cao Xuân Dục biên soạn và ấn hành năm 1909 đời Nguyễn Phước Hoảng [Duy Tân], không nói gì đến Bắc Kỳ và Nam Kỳ, khác với ĐNNTC đời Nguyễn Phước Thời;

Trans. into romanized Vietnamese by Phạm Trọng Diem and Đào Duy Anh, 5 vols (Hue: Thuận Hóa, 1997), 1:6.

Tập 1: Kinh sư

Tập 2: Quảng Bình (2:5-84), Nghệ An, Thanh Hóa (2:223-330), Quảng Nam (2:331-400), Quảng Ngãi (2:401-454)

Tập 3: Bình Định (3:5-62), Phú Yên (3:63-86), Khánh Hòa (3:87-124), Bình Thuận (3:125-158), Hà Nội (3:159-236), Ninh Bình (3:237-284), Hưng Yên (3:285-320), Nam Định (3:321-370), Hải Dương (3:373-466)

Tập 4: Quảng Yên, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cao Bằng. 4:365-400.

Tập 5: Hà Tiên, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang, Gia Định

Một lược xét về các "Thiên sứ Pháp" sẽ giúp soi sáng hơn chu trình soi mòn và triệt tiêu vương quyền nhà Nguyễn.

#### A. CÁC THIÊN SỨ PHÁP:

Trong bảy năm đầu của niên hiệu Thành Thái [Nguyễn Phước Chiêu], chính phủ Liên Bang Đông Dương tiến hoá và củng cố dần cấu trúc hành chính cũng như kinh tế. Bốn Toàn quyền thay nhau ở Hà Nội là Richaud, Georges Piquet, Jean de Lanessan, và Paul Rousseau. Họ cải đổi dần chế độ quân quản, đặt xuống những nền tảng hành chính và luật pháp thuộc địa cho toàn Đông Dương. Tuy nhiên, không một chính sách liên lũy nào được thi hành. Mỗi Toàn quyền có một sách lược riêng, đôi khi kinh chống lẫn nhau; và những nhiệm kỳ này thường rất ngắn. Tại Huế, dù chỉ có hai

Khâm sứ chính thức là Séraphin Hector và Ernest Albert Brière (10/1891-1/1898); nhưng cá tính và quan điểm của hai "vua không ngai" này khá dị biệt. Hector, một nhà ngoại giao, không thích Nguyễn Phước Chiêu; và, Brière là một công chức thuộc địa kiêu mẫu, luôn luôn muốn chứng tỏ vị thế người Bảo hộ của mình. Nhiệm kỳ của Brière cũng không liên tục, mà bị gián đoạn hơn một năm vì bị Toàn quyền de Lanessan đề nghị cho về hưu, và hai viên chức khác thay nhau xử lý thường vụ. Đó là Léon Boulloche (4-11/1894) và Louis Baille (11/1894-5/1895), với lập trường và quan điểm không nhất thiết tương tự với Brière.

### **1. Toàn quyền Richaud:**

Richaud, như đã lược thuật, chủ trương thống trị bằng sức mạnh quân sự, với sự trợ giúp của các giáo sĩ và cộng sự viên Ki-tô bản xứ. Ngay sau khi Nguyễn Phước Chiêu vừa lên ngôi, Richaud ép triều đình Huế phải ký một qui ước tước hết quyền hạn của Phủ Phụ chính cũng như Viện Cơ Mật. Richaud cũng công khai đã kích nhen "chính trị xí xoá" (*politique d'effacement*) của Constans, biến Toàn quyền thành một đại sứ hay một đặc sứ bên cạnh vua An Nam mà không phải là một "thẩm quyền bảo hộ." (6)

6. Báo cáo mật ngày 10/3/1889, Richaud gửi Thuộc địa; CAOM (Aix), AF, carton 20, d. A-30 (85); *Journal Officiel (JO), Débats parlementaires*, 29/2/1889; Cao Huy Thuần 1990, tr. 330-331. Hiềm khích giữa Richaud và Constans đã bùng nổ từ tháng 3/1888. Xem chỉ thị của Constans gửi Richaud ngày 19/3/1888, & biên bản buổi họp ngày

19/3/1888; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 73, pp 132-144; và, báo cáo ngày 4/6/1888 của Richaud; *Ibid.*, pp 152-180.

Richaud còn muốn đưa đại diện Pháp xuống đến cấp huyện. Nhưng đối thủ của Richaud khá mạnh. Trả lời những cáo buộc của Richaud, Constans—lúc ấy đang nắm chức Bộ trưởng Nội vụ—kịch liệt công kích chính sách "thống trị." Theo Constans, dù quân đội cần thiết trong thời gian chinh phục, cần bình định và cai trị bằng những viên chức hành chính thuộc địa. Constans cũng chỉ muốn kiểm soát việc làm của triều đình và các quan Việt hơn chỉ huy chặt chẽ. Nếu đặt đại diện Pháp xuống cấp quận, dân chúng sẽ nổi lên chống lại. Sau đó, khi lên thay Boulanger, Constans tách Tổng Nha Thuộc địa khỏi Bộ Hải quân của Kranzt, và đặt Tổng nha này dưới bộ Thương mại của Tirard. Rồi, ngày 14/3/1889, Constans đưa Eugène Etienne lên thay de la Porte, người đỡ đầu của Richaud, ở Nha Thuộc địa. (7) Quyết định đầu tiên của Etienne, thật dễ hiểu, là bác kế hoạch đặt viên chức Pháp xuống cấp huyện. Tiếp đó, ngày 9/5/1889, Etienne bỏ chức Tổng Trú sứ, và đặt các Khâm sứ An-Nam và Miên, cùng Thống sứ Bắc Kỳ trực thuộc Phủ Toàn quyền. (8) Hôm sau, Etienne cử Georges Piquet thay Richaud.

7 "Administrateurs d'Indochine;" *Revue d'Histoire des Colonies*, số 137 (1952); dẫn trong Cao Huy Thuần 1990, tr. 332, chú 34.

8. Lào bị sát nhập vào Liên bang Đông Dương từ ngày 14/9/1889.

## **2. Georges Piquet (1889-1891):**

Ngày 31/5/1889, Piquet chính thức thay Richaud. Hector trở lại Huế thay Rheinart làm Khâm sứ; và Brière thay Parreau ở phủ Thống sứ Hà Nội. Piquet chủ trương phải giảm bớt quân phí của đạo quân viễn chinh để ổn định ngân sách Liên bang. Phe quân sự lập tức phản công. Ngày 5/8/1889, Tướng Bichot, Tư lệnh quân viễn chinh, viết cho Piquet:

Tôi vô cùng hoài nghi dân An Nam và nhất là triều đình Huế, luôn luôn và đang là kẻ thù của chúng ta.(9)

9. CAOM (Aix), AF, carton 20, d. A-30 (92).

Ngày 25/8/1889, trong báo cáo về Paris, Piquet than thở: "Giới nhà binh thấy đâu cũng có giặc." Tám ngày sau, 2/9, Piquet báo động ý định sát nhập ba tỉnh Bắc Trung Kỳ (Thanh-Nghệ-Tĩnh) vào lãnh thổ Sơn Tây của Bichot.(10)

10. Ibid.; Cao Huy Thuần 1990, tr. 348.

Sự đối đầu giữa phe quân sự, với chủ trương chinh phục bằng vũ lực, và phe dân sự, nghiêng về chính sách bình định bằng cách thu phục nhân tâm, khiến Piquet khó thi thố những kế hoạch cần thiết. Ngày 26/12/1890, trong một báo cáo mật gửi Etienne, Piquet tiết lộ Richaud đã khiến một số quan chức Pháp không có phụ tá người Việt, nên các sĩ quan tiếm quyền dần. (11)

11. CAOM (Paris), carton 20, d. A-30 (93); Cao Huy Thuần 1990, tr. 350-353.

Piquet cũng không ngớt than phiền với Paris sự cản trở của Giám Mục Puginier, người chỉ biết đến quyền lợi của Hội truyền giáo—nhằm tiêu diệt giới "râu dê" (sĩ phu), hầu đưa các giáo dân Ki-tô lên hàng ngũ cai trị. Puginier—ngoài chức vụ Giám mục Đường Ngoài Tây, bao gồm cả tỉnh Thanh Hoá của An Nam, còn cầm đầu một mạng lưới tình báo cho các viên chức Pháp, và được tướng thưởng Bắc đầu Bội tinh cho sự đóng góp này—có ảnh hưởng mạnh với các sĩ quan Pháp qua hệ thống mật báo và lực lượng Ki-tô bản xứ, những người mà Puginier luôn rao bán là "bạn trung thành duy nhất của nước Pháp." (12)

12. Về lập trường của Puginier, xem ASME (Paris), vol 816.

Một trong những việc làm đáng kể nhất của Piquet là thay thế đồng bạc Mexico, đã lưu hành tại Đông Dương từ năm 1886, bằng tiền giấy. Vào cuối năm 1878, khoảng 7 triệu đồng Mexico (nặng 27.073 grams bạc, (tương đương với 5.50 *francs*) lưu hành ở Đông Dương. Ngày 3/4/1891, *Ngân hàng Đông Dương* phát hành lần đầu tiên những "đồng vàng" Đông Dương bằng giấy. (13)

13. Henri Baudoin, *La Banque de l'Indochine* (Paris: A Pedone, 1903), p 102.

Loại tiền giấy này, theo một số tác giả hoài cổ, từng được Lê Quý Ly áp dụng ở Đại Việt, rồi Đại Ngu, từ cuối thế kỷ XIV, đầu thế kỷ XV. Thời Minh thuộc, tức Giao Chi Đô Thống Sứ Ti, tiền giấy của nhà Minh cũng thông dụng. Những cộng sự viên trung thành của Thiên



từ Minh được ban thưởng cả tiền giấy lẫn vải vóc, vàng, bạc. Tuy nhiên, tiền giấy nhà Minh không đạt được kỹ thuật ấn loát hay loại giấy có sức chịu đựng sự sờn rách của những tiền giấy như tờ một, năm, mười hay một trăm của Ngân Hàng Đông Dương. Những chuyên viên “nhái” Hán tộc thường chỉ “nhái” được những đồng bạc giả thiếu phẩm chất, dễ bị phát giác. Giống như những giấy bạc giả Mỹ Kim ở Việt Nam trước ngày “đổi mới,” chưa được các đại gia tham gia vào việc chuyển tiền “kiều hối” từ ngoại quốc về nước, lên tới hàng tỉ Mỹ kim sau năm 1995.

### **3. Jean de Lanessan (1891-1894):**

Ngày 21/4/1891, Dân biểu Jean-Marie de Lanessan được cử làm Toàn quyền. Tuy nhiên, Francois Bideau XLTV từ 13/4 cho tới ngày 25/6/1891.

De Lanessan không xa lạ gì với Đại Nam, đã từng là một cán sự Y tế Hải quân tại Sài Gòn năm 1868. Trở lại Paris, tốt nghiệp Tiến sĩ Y khoa, sư phạm Y khoa (*agrégation*), và giảng dạy tại Đại học Y Khoa Paris. Năm 1886, lĩnh sứ mệnh qua tham quan Đông Dương, rồi trở lại Pháp, đắc cử dân biểu hạt Lyon-Vaise, và tham gia chính phủ. Là tác giả tập *Une campagne du siècle: La séparation des églises et de l'état* [Chiến dịch của thế kỷ: Sự tách rời Giáo hội và Quốc gia], de Lanessan bị cáo buộc chống Giáo hội cực đoan. Chuyến qua Đông Dương năm 1886 để lại những ác cảm trong giới giáo sĩ và ngay chính Thống đốc Filippini. (14) De Lanessan không những trực diện chống lại Puginier, mà còn đánh giá không cao giáo dân Ki-tô. Trong báo cáo gửi Ngoại trưởng Flourens ngày 11/4/1887, de Lanessan đánh giá

giáo dân Ki-tô như "tầng lớp thấp nhất, ngu dốt nhất trong xã hội, không đủ khả năng thay thế giai tầng sĩ phu." Lanessan cũng nêu lên câu hỏi:

Phải chăng chúng ta đã lầm lẫn khi liên kết (associer) tôn giáo với chính trị khiến dân bản xứ tin rằng "người Pháp" và "Ki-tô" đồng nhất thể (*identique*)? (15)

14. Thư ngày 22/8/1887, Filippini gửi Bộ trưởng HQ & TĐ; Ibid.; cùng những "Réflexions et renseignements adressés au Sous-Secrétaire d'Etat aux Colonies," của Puginier ngày 7/4/1888, 26/7/1890, 25/10/1890, 25/1/1891, 4/2/1891; Ibid., dossier A-00 (30). CAOM (Aix), AF, carton 2, d. A-00 (22). Xem thêm "Appréciations sur quelques actes publics de M. de Lanessan" ngày 15/2/1892; ASME (Paris), vol 816, số 165; và "Notes" của Puginier trong AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol. 73, tờ 191-196, 257-258.)

15. Jean de Lanessan, *L'Indochine française* (Paris: 1889) p 60; Nguyễn Văn Phong 1971, pp 50, 89.

De Lanessan chủ trương cho vương quốc An Nam thống nhất, nêu cần kể cả Nam Kỳ. (16)

16. *Idem.*, *La colonisation française en Indochine* (Paris: 1895), tr. 25, 26, 31; Nguyễn Văn Phong 1971, pp 36-37.

Năm 1891, khi thấy Hector tìm đủ cách truất phế Nguyễn Phước Chiêu, de Lanessan đã nhân dịp vào Huế trong tháng 7/1891 khẳng định là làm gì cũng cần triều

đình An Nam, và sẽ làm tất cả mọi việc để trả lại cho triều đình Huế những ưu quyền (*prestiges*) truyền thống. Để khởi đầu, Lanessan thay Hector bằng Brière ở Huế, và chọn Chavassieux thay Brière ở Hà Nội. De Lanessan cũng chống việc biến chữ viết theo mẫu tự Latinh thành quốc ngữ, và muốn duy trì lối học truyền thống, vì dù lối học cổ truyền thiếu khoa học, nhưng đào tạo "đạo đức" con người. (17)

17. *Idem.*, *L'Empire d'Annam, son organisation sociale et politique* (Paris: 1889), p 11; Nguyễn Văn Phong 1971, p 38.

Chính sách "hợp tác chân thành" của de Lanessan gặp sức chống đối từ mọi phía. Tư lệnh quân viễn chinh, Tướng Reste, với sự hợp lực của tờ *L'Avenir du Tonkin* [*Trong Lai Bắc Kỳ*] của Hội truyền giáo, báo động về một hiểm họa tấn công của nhà Thanh. (18) Ngay những phụ tá dân sự của Lanessan—Thống sứ Chavassieux và Khâm sứ Brière, rồi Boulloche—đều công khai bộc lộ sự bất bình. (19)

18. Báo cáo ngày 30/9/1892, Lanessan gửi Thuộc địa; CAOM (Aix), AF, carton 20, d. A-30 (92).

19. Thư ngày 26/9/1894, Lanessan gửi Lebon; *Ibid.*, carton 7, d. A-20 (40); Cao Huy Thuận 1990, tr. 368-9.

Puginier cũng vận dụng hết ảnh hưởng của Hội truyền giáo và cá nhân—kể cả mối đe dọa của các phong trào Cần Vương do các sĩ phu lãnh đạo—để chống de Lanessan. Trong một tờ trình về Paris năm

1892, Puginier nêu lên nhiều lỗi lầm của de Lanessan, đặc biệt là những điểm sau:

a. Mang theo ra Hà Nội Diệp Văn Cương, một tên thông ngôn nguy hiểm cho chính nghĩa của nước Pháp (*un interprète dangereux pour la cause française*)

b. Quá tin tưởng Kinh lược Bắc Kỳ. Kinh lược Hoàng Cao Khải, khoảng 44 tuổi, năm 1883 chỉ là huyện [lệnh] Hà Nội [tương đương chức cảnh sát trưởng]. Nhờ sự nâng đỡ của Pháp, không những chỉ thăng tiến không ngừng, mà còn tạo được một tài sản tới 500,000 *francs*. Tháng 8/1890, Thống sứ Bonnal—một kẻ thù của Puginier vì đã dám đưa một giáo sĩ Pháp, Martin, ra tòa—cử Khải làm Kinh lược. Thoạt tiên Hoàng Cao Khải bị de Lanessan nghi ngờ, nhưng sau nhờ Cương dàn xếp, hết nghi.

c. Phê chuẩn đề nghị ân xá của Hoàng Cao Khải cho 10 phạm nhân chính trị mà theo Puginier đã phạm những tội ác lớn.

d. Cho các quan quá nhiều quyền hành. Cuối tháng 7/1891, khi ghé qua Huế, de Lanessan hứa sẽ cho các quan rộng quyền hơn, trái ngược với những bài báo trước ngày qua Đông Dương là sẽ từ bỏ lập trường hợp tác với các quan lại [không Ki-tô] Việt.

e. Võ trang cho lính cơ (của các quan). Sau khi thành lập các tiểu khu quân sự [khu quân đạo] ở vùng thượng du Bắc Kỳ, tháng 8/1891, thành lập 4,000 lính cơ hoàn toàn toàn do quan Việt chỉ huy. (4,000 lính tập cũ đã phân phối cho ba [3] trung đoàn khó đỡ để đóng tại các Tiểu khu quân sự mới được thành lập). Đây là một việc làm nguy hiểm, vì

những đội lính cơ này sẽ có một ngày cầm súng chống Pháp.

f. Hủy bỏ tư liệu văn khố, khiến không còn phân biệt được ai là giặc, ai là dân lành; nên chấm dứt cả con của Lã Xuân Oai, một lãnh tụ Cần Vương ở Ninh Bình.

g. Tha các lãnh tụ giặc, kẻ thù bất khả khoan nhượng của Pháp cùng những đồng minh và bạn trung thành duy nhất của nước Pháp là tín đồ Ki-tô.

h. Trọng đãi những người thù nghịch Ki-tô giáo.

i. Theo đuổi một chính sách cấp tiến (libéralisme). (20)

20. Puginier, "Appréciations sur quelques actes publics de M. de Lanessan" ngày 15/2/1892; ASME (Paris), vol 816, số 165; và "Notes" của Puginier trong AMAE (Paris), *Mémoires et documents, Asie*, vol. 73, tờ 191-6, 257-258. đã dẫn trong chú 14 supra.

Puginier còn từ chối mật báo lên de Lanessan về hành vi các quan lại, như từng làm từ thập niên 1870. (21)

21. Thư ngày 24/2/1892, Puginier gửi de Lanessan; ASME (Paris), vol 816, Tư liệu 167.

Tháng 3/1894, de Lanessan bị triệu hồi, vì chủ trương "*Ralliement*" (Liên hiệp) ở Pháp (liên hiệp giữa phe Cộng Hòa và phe thân Giáo hội) [cho tới năm 1899]. Tổng thư ký Chavassieux và rồi Thống sứ

Francois Pierre Rodier xử lý thường vụ từ 10/3/1894 cho tới tháng 3/1895, khi Paul Roussau tới Hà Nội.

#### **4. Paul Rousseau (1895-1896):**

Ngày 29/12/1894, Paul Armand Rousseau được cử làm Toàn quyền nhưng chỉ nhiệm chức ngày 15/3/1895. Chính sách của Rousseau hoàn toàn trái ngược với người tiền nhiệm. Rousseau sử dụng lại hầu hết những người chống de Lanessan. Brière, đã bị de Lanessan bắt về hưu, được tái bổ nhiệm làm Khâm sứ. Chavassieux, cũng đã về Pháp, được cử làm Tổng Thư Ký, sau khi Paris bãi bỏ chức Thống sứ Bắc Kỳ ngày 25/2/1895 [mãi tới 8/6/1897 mới lập lại]. (22)

22. Báo cáo và thư riêng của Rousseau gửi Bộ trưởng Thuộc Địa; CAOM (Aix), AF, carton 21, d. A-30 (103).

Tại Huế, Brière thực hiện việc thanh lọc và củng cố sự kiểm soát triều đình. Ngày 13/6/1895, nhân dịp Rousseau vào Huế, Brière áp lực Viện Cơ Mật phải thông qua ba đạo Dụ đồng ý:

(1) cho Khâm sứ vào Cẩm thành bất cứ lúc nào; đặt hai đại diện Pháp tại Bộ Lại và Bộ Hộ; và từ nay Cơ Mật viện họp mỗi tuần 2 lần.

(2) sử dụng 1/3 tiền quan thuế vào việc lục lộ [đường xá];

(3) cử Nguyễn Thân làm Khâm Mạng đại thần, có toàn quyền bình định hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh bằng tiền của triều đình. (23)

23. Báo cáo ngày 24/7/1895, A Rousseau gửi BTTĐ; Ibid., carton 21, d. A-30 (102).

Từ tháng 4/1896, trong khí thế chiến thắng lực lượng Cần Vương cuối cùng của Phan Đình Phùng, Brière còn yêu cầu bãi bỏ Viện Cơ Mật và ép buộc những cựu thần như Trương Quang Dẫn và Nguyễn Trọng Hiệp phải về hưu, nhường ghế Phụ chính cho Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải. (24)

24. Báo cáo số 16, ngày 12/4/1896, Khâm sứ gửi Toàn quyền; Ibid., GGI, dossier 9619/60. Brière vốn đã có ác cảm với Hiệp từ ngày Hiệp qua Pháp trở về mà không chịu đến yết kiến ngay; Cao Huy Thuân 1990, p 370, chú 110.

Ngày 23/10/1896, Brière cũng chỉ thị cho Viện Cơ Mật ban Dụ chấp thuận đặt các Trú sứ (*Résidents*, sau gọi là Công sứ) ở cấp tỉnh; và đất đai xây dựng các Dinh thự Công sứ được coi như cắt nhượng cho chính phủ Pháp.(25)

25. Dụ ngày 23/10/1896; CAOM (Aix), GGI, dossier 9618/7.

## B. NGÀY TÀN CỦA PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG:

Việc Nguyễn Phước Chiêu lĩnh nhận thiên mệnh Đại Pháp không làm hài lòng các lãnh tụ Cần Vương. Dư hưởng vụ lưu đầy Nguyễn Phước Minh làm bùng lên một cao trào võ trang nổi dậy mới. Kiệt kiệt nhất là tổ chức của Phan Đình Phùng ở Hà Tĩnh, Tống Duy Tân ở Nghệ An/Thanh Hoá, và Hoàng Hoa Thám ở miền Bắc. Ngoài ra, còn một số lãnh tụ địa phương tiếp tục chiến đấu trong nhiều năm. Lần đầu tiên, có sự phối hợp

giữa nội địa và hải ngoại để nhập cảng vũ khí đạn dược, và sự phối hợp giữa các địa phương. Các lãnh tụ kháng Pháp cũng bỏ hẳn chính sách tả đạo, nỗ lực lôi kéo các giáo dân về phía mình, nhưng bị các giáo sĩ ngăn cản, lên án là sự "giả nhân, giả nghĩa" (*hypocrite*). (26)

26. Xem, chẳng hạn, Puginier "Notes pour servir à l'étude d'une des phases de la question du Tonkin: L'Insurrection" (13/9/1886); ASME (Paris), vol 816, tư liệu 67. Puginier lập lại nhận xét này trong nhiều mật thư khác gửi các Tư lệnh quân viễn chinh và viên chức hành chính thuộc địa.

### **1. Bắc Kỳ:**

Tại miền Bắc, Nguyễn (Ngô) Quang Bích tiếp tục chuyển vận vào nội địa một số vũ khí do Tôn Thất Thuyết từ Hoa Nam gửi về. Đề uy hiếp, Pháp cho lệnh bắt giam mẹ ông, nhưng Phủ Bích vẫn không chịu khuất phục. Năm 1890, Phủ Bích chết vì bệnh già ở vùng thượng du—mang theo nỗi u uất của con dân một nước nhược tiểu giữa nanh vuốt tàn bạo của giặc cướp nước, và chính sách vị lợi của lân bang phía bắc.

Ba lãnh tụ kháng Pháp khác, dù không thuộc hàng sĩ phu, là Đốc Tích (Nguyễn Tất Thắng), Đề Kiêu (Hoàng Thụy Kiêu) và Đốc Ngữ. Ngày 11/9/1889, từ cù lao Hai sông, Đốc Tích tấn công đồn Uông Bí, rồi nhiều đồn bót khác trong lãnh thổ Yên Quảng. Pháp sai Hoàng Cao Khải, Cao Xuân Dục vây đánh. Cuối cùng Đốc Tích phải đầu hàng rồi bị đày qua Algérie. Trong khi đó, Đề Kiêu và Đốc Ngữ—cựu thủ hạ của Bó Giáp—hoạt động trong địa phận Hưng Hoá. Sau Đề Kiêu xin về hàng. Đốc Ngữ vẫn hoạt động ở vùng sông Đà cho tới năm



1893. Một trong những chiến công lừng lẫy nhất là cuộc đánh úp đồn Yên Lãng ngày 5/2/1892, giết chết Đại úy trưởng đồn. Từ giữa năm 1892, Đốc Ngữ ngày càng gặp nhiều khó khăn, vì các viên chức Pháp tìm đủ cách mua chuộc các thổ hào người Mường. Tháng 8/1893, Đốc Ngữ bị sát thủ Mường ám sát.

Phản Đèo [Điêu] Văn Trí, lãnh chúa dân Thái, tiếp tục vừa chống Pháp vừa đánh Xiêm cho tới tháng 12/1890.

Lừng lẫy hơn cả là Hoàng Hoa Thám (1846-1913), tức Đề Thám. Địa bàn hoạt động của Đề Thám trải rộng khắp vùng Yên Thế, tỉnh Thái Nguyên. Từ tháng 11/1890, quân Pháp nhiều lần tấn công và truy kích nhưng không thành công. Sau nhiều lần ra hàng rồi lại tiếp tục cầm khí giới, ngày 12/2/1897 Đề Thám được Rousseau cho làm chủ "đồn điền Phồn Xương," gồm 22 xã trong vùng Yên Thế, Thái Nguyên. Ngoài ra, còn có cuộc nổi dậy của nhóm Lã Xuân Oai, cự tuần phủ Lạng Sơn ở quận Phong Danh, tỉnh Ninh Bình, và Lê Cơ, cự tuần phủ Hưng Yên, v.. v... từ ngày 10/12/1889 tới tháng 2/1890. Cự tuần phủ Oai, Cơ cùng 8 đồng chí bị kết án, đày ra Côn Đảo. Đầu năm 1892, tất cả được ân xá, nhưng Lã Xuân Oai và Lê Cơ đã tử trận trong ngục.

## **2. An-Nam:**

Chỉ tại miền Trung, tinh thần Cần Vương mới tiếp tục được duy trì đúng nghĩa nhất. Đề đốc Trần Xuân Soạn được cử làm đại diện của Tôn Thất Thuyết tại vùng Hữu trục Kỳ (Bắc An Nam), nhưng hai lãnh tụ kiệt xuất Tống Duy Tân và Phan Đình Phùng được coi

như linh hồn của phong trào trung quân, ái quốc của cuối thế kỷ 19.

**a. Tổng Duy Tân (1889-1892):**

Sau ngày vua Nguyễn Phước Minh bị Pháp đày qua Algérie, "Nghè Tổng" nhận lệnh Tôn Thất Thuyết trở lại Thanh Hóa, thiết lập căn cứ Vận động, phối hợp với nhóm Cầm Bá Thước và Cao Điền, hai lãnh tụ dân Mường ở vùng Nông Cống (tây bắc Thanh Hóa). Sau hơn ba năm cầm cự, ngày 5/10/1892, Tổng Duy Tân bị Công sứ Thanh Hóa Boulloche bắt tại một hang núi gần Niên Kỹ, rồi xử tử. Phó tướng là Cao Điền phải trôi giạt ra Bắc, bị Pháp bắt, giải vào Thanh Hóa và xử tử năm 1896. (27)

27. ĐNNTC, q. VI: Thanh Hoá, (1997), 2:238-39 [223-332].

**b. Phan Đình Phùng-Cao Thắng:**

Như đã lược nhắc, năm 1888 Phan Đình Phùng bí mật ra Bắc hợp tác với Tấn Thuật. Sau khi từ Bắc trở về, Ngự sử Phùng và Cao Thắng tiếp tục duy trì mật khu Vụ Quang, trên thượng nguồn sông Ngàn Trươi, tây bắc huyện Hương Khê, Hà Tĩnh. Cao Thắng là một danh tướng, huấn luyện quân sĩ theo kiểu Tây phương, mở lò đúc súng theo kiểu năm 1874 của Pháp. Tuy nhiên, vì không biết chế đường khương tuyền cho nòng súng, nên bắn không được xa. Tháng 8/1892, Cao Thắng tấn công thành Hà Tĩnh, phóng thích tù nhân và tiêu diệt phần lớn lính bản xứ. Pháp trả đũa bằng một chiến dịch càn quét, phong tỏa mọi đường tiếp vận từ châu thổ lên các căn cứ núi. (28)

28. *ĐNNTC*, q. III: Quảng Bình, (1997), 2,:[5-84].

Năm 1893, Phan Đình Phùng cho lệnh xử tử Trương Quang Ngọc, thổ hào người Mường đã giao nộp Nguyễn Phước Minh cho Pháp vào tháng 11/1888. Cao Thắng cũng chuẩn bị một cuộc tấn công thành Nghệ An để huy trưng thanh thế và giải tỏa áp lực, nhưng ngày 9/9/1893, Cao Thắng bị tử thương khi tấn công đồn No. Đây là một mất mát lớn cho nghĩa quân. Phan Đình Phùng phải rút về căn cứ Ngàn Chay. (29) (*Xem Bản đồ Hà Tĩnh*)

29. *ĐNNTC*, q. IV:Đạo Hà Tĩnh, (1997), 2: [85-116]. Từ 1852 chỉ còn phủ Hà Hoa. Trà Đức Thọ về Nghệ An. Năm 1864, chia làm ba [3] huyện: Thạch Hà, Cẩm Xuyên và Kỳ Anh [tr. 86-7]. Xem thêm *ĐNNTC*, q. V: Nghệ An, (1997), 2:209-10 [nhân vật, đời Lê] [117-222].

Theo một báo cáo không ngày của Thanh Tra mật thám Albert Basset:

Phan Đình Phùng có nhiều họ hàng và bạn bè ở Huế. Trong số này có Võ Trọng Bình và Hoàng Kế Viêm, người có ảnh hưởng lớn tại Huế. Tại Hà Nội cũng có liên hệ như Phan Trọng Mưu, Phan Quang Cư, Nguyễn Khắc Kiêu—ba Tiên sĩ đã rút về miền Bắc. (Họ đang hành nghề dạy học, nhưng thực ra là cán bộ Cần Vương cấp cao. Cùng với Tán Thuật, Phan Trọng Mưu đã tạo nên cuộc thảm sát Chợ Bò (1891). Nghè Mưu nhiều lần tới Vinh. Năm 1893, các quan Hà Tĩnh mời ông ta cùng Nghè Kiêu và

Cư đầu thú. Cả ba tuyên bố họ đã rút khỏi hàng ngũ Cần Vương và sống bình lặng ở Bắc Kỳ. Họ chưa bao giờ chính thức đầu thú. Một tài liệu do Thám tử Samaran tịch thu được tại một đồn nghĩa quân chứng tỏ họ còn liên lạc ("đồng lõa"). **Nhiều bằng sắc (brevets) ký tên và đóng dấu Phan Quang Cư. Basset đã cho lệnh bắt em của Mưu là Phan Trọng Nghi và hài cốt của tổ tiên của Mưu đã bị đào lên theo lệnh của Cơ Mật.** Basset đã sai Phan Trọng Nghi viết thư cho Phan Trọng Mưu và sai hai con của Mưu mang thư ra Hà Nội. Bởi thế Phan Trọng Mưu phải xin đầu thú với chính phủ Liên bang để đòi lấy sự tự do cho em [hay anh] và hài cốt tổ tiên. Tuy nhiên, theo Basset, Mưu chưa hề nạp ấn tín và bằng sắc, và tiếp tục hoạt động cho Cần Vương. (Amiraux, 22318).

Tháng 2/1893, Phan Đình Phùng sai cháu là Phan Đình Nghinh (tức Chất) và Lãnh Tân qua Trung Hoa gặp Tôn Thất Thuyết và Đề Soạn để xin cung cấp vũ khí và đạn dược, đồng thời cấp phát bằng sắc cho những người có công. Hai người này lấy giấy tờ qua Trung Hoa tại Hà Nội. Lãnh Tân trở lại vào tháng 6 hoặc 7/1893. Tuy nhiên, **Nghinh chỉ trở lại Hà Tĩnh khoảng 1 năm sau, tháng 6/1894, với bằng sắc của Tôn Thất Thuyết.**

Phan Đình Phùng còn giao du với Đào Hữu Nga—em hay anh của Đào Ích, Tuần phủ Quảng Trị—từng tham gia nghĩa quân vào tháng 12/1893. Đào Hữu Nga bị bắt, giam tại đồn Hương Sơn. Tháng 7/1894, Đào Hữu Nga chạy thoát khỏi nơi

này trong dịp nghĩa quân tấn công. Ngày 22/11/1894, Basset thấy Nga ở Chợ Phố.

Phan Đình Phùng cũng liên lạc với các nhóm ở Lào và Xiêm. Năm 1885, nghĩa quân đã giết chết giáo sĩ Sâtre cùng vài trăm giáo dân ở Trấn Ninh, nhờ sự tiếp tay của Cờ Đen. Năm 1888, Đại úy Lafitte đã bại được toán Cờ Đen này. Phan Đình Phùng bắt đầu mở lại đường liên lạc từ Vụ Quang tới Quảng Bình, cũng như Lào. Cao Đạt, người đã xây đồn Đại Hàm cho Phan Đình Phùng, cũng gốc ở Tinh Di. Cao Đạt biết tiếng Xiêm và từng thông dịch năm 1891 với Kha Lương Xiêm Phra Yott. Cao Đạt thường qua Lào và Xiêm.

Hà Tĩnh là biên giới của Đường Trong và Đường Ngoài. Qua khỏi Đèo Ngang, phong tục, tiếng nói người dân hoàn toàn thay đổi. Các vua Việt nghi ngờ dân Hà Tĩnh nên cho tới 1885-1886, lính Hà Tĩnh chẳng bao giờ được phục vụ tại tỉnh họ. Lính ở Hà Tĩnh thường gửi từ Quảng Bình, Thanh Hoá hay Nam Định. Từ năm 1885-1886, triều Huế bắt đầu cho tuyển giữ lính cơ [phục vụ các quan] tại Hà Tĩnh. Những người này, sau một thời gian đi lính tham gia nghĩa quân. Nhiều người luôn luôn ở hàng ngũ nghĩa quân, đặc biệt là các quản và đội. Mỗi làng đều có một người theo triều đình, một người theo giặc. Phan Đình Phùng có khoảng 1,000 tinh binh tuyển mộ từ những tiểu đoàn lập binh cũ.

Cho tới năm 1889, nghĩa quân có rất ít súng bắn nhanh. Đề đốc Phát đã ăn trộm 14 súng *Mousqueton* ở Vinh. Năm 1889, bắt được súng *Spencer* ở đồn

Linh Cảm và 4 súng săn của kiếm lâm. Tháng 4/1890, một đề đốc của Tổng đốc Nghệ An (Nguyễn Chính) đã xin đầu hàng sau một cuộc phục kích ở Lang Hot, nộp cho nghĩa quân 12 súng *Carabines*.

Từ ngày này, nghĩa quân bắt đầu tấn công các đồn bót để lấy súng đạn. Ngày 5/6, Đề Đạt tấn công một đoàn vận tải [convoy] gần Hà Trai, giết 7 lính cơ, thu 7 *carabines*. Sau đó Đề Mật tấn công một đồn kiếm lâm ở Lang Điền, thu súng bắn nhanh và 5 hay 6 súng kiểu 1842. Đề Kiêu tấn công đồn lính cơ Qui Chu, lấy 1 súng lục của Lãnh binh, 3 *carabines* và 6 thùng đạn. Năm 1890, một đội lính cơ tấn công đồn Ngàn Eo, bị giết tại đây, để lại 5, 6 súng.

Phan Đình Phùng mua súng từ Xiêm, nhưng quá đắt. Bởi thế, Phan Đình Phùng tuyển mộ những thợ đúc súng cùng thợ tại các xưởng Hải quân của Pháp, qua cửa ngõ Hà Nội. Kho đúc súng của Phan Đình Phùng nằm trong núi, giữa Ngàn Trươi và Ngàn Phô. Núi Hà Tĩnh sản xuất sắt nhưng nghĩa quân còn mua sắt ở các nơi. Họ sửa lại các vũ khí cũ và vỏ đạn cũ của lính Pháp. Họ lấy những đại bác của Pháp bị mất hay hư hại để lấy kim loại. Từ năm 1892, các Thanh tra Haguët và Samaran phá hủy nhiều xưởng chế vũ khí của nghĩa quân. Tuy nhiên, nghĩa quân tiếp tục có thêm súng và cải thiện việc vũ trang. Nhưng đại bác khó chế biến hơn là súng bắn nhanh. Một phần ba súng tịch thu được nghi là chuyển vận vào từ Hà Nội. (30)

30. Báo cáo của Albert Basset; CAOM (Aix), Amiraux 11318. Hiện nay [2005], đường xe lửa

Bắc-Nam từ Vinh chạy về hướng tây nam, qua thung lũng Hương Sơn-Hương Khê, có bến ga gần làng Đông Thái, quê Phan Đình Phùng. Năm 1847, khi Phan Đình Phùng ra đời, Đông Thái còn thuộc tỉnh Nghệ An.

Trong ba năm 1892-1895, Pháp tìm đủ cách thuyết phục, sai cả Hoàng Cao Khải viết thư kêu gọi, nhưng Phan Đình Phùng khẳng khái chối từ. Ngày 10/6/1895, Viện Cơ Mật, dưới sự chủ tọa của Toàn quyền và Khâm sứ Brière, cử Nguyễn Thân làm Khâm mạng Đại thần cai quản bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình cho tới sông Gianh, để đánh dẹp phong trào Cần Vương của Phan Đình Phùng.

Ngay sau khi được giao chức vụ tối danh dự chưa hề có trong lịch sử triều Nguyễn, Nguyễn Thân hứa với Rousseau là "sẽ không còn một tên phản loạn nào ở Nghệ-Tĩnh, ngoại trừ chúng chạy qua Trung Hoa." Nguyễn Thân xin mang theo những thủ hạ thân tín như Tán lý Lê [Tự] Khiết, Nguyễn Đĩnh, và đặc biệt là Ngô Đình Khả, Thương biện Cơ Mật. Khả được giao chỉ huy địa phận phía Tây Bắc Quảng Bình, tức khu vực thượng nguồn sông Gianh, nơi có nhiều cộng đồng Ki-tô. Duvillier, Phó Công sứ Vinh, làm Đại diện chính phủ Pháp bên cạnh Nguyễn Thân.

Được tin, đầu tháng 7/1895, Phan Đình Phùng rút về núi Ru Giang, tây nam Hà Tĩnh, và cho lệnh các lãnh tụ địa phương chỉ giữ lại những người tự nguyện hy sinh tất cả cho nền độc lập quốc gia. Tháng 8/1895, Phan Quang Cư từ Hà Nội vào thăm Phan Đình Phùng. Sau

đó, tin đồn Phan Đình Phùng đã chết đột ngột loan truyền khắp nơi. Ít lâu sau, quân Pháp chiếm đồn Vụ Quang. Phan Đình Phùng rút về phía nam Qui Hợp, hoặc phía bắc thượng nguồn sông Gianh, thuộc địa phận Quảng Bình.

Kế hoạch tổng quát của Nguyễn Thân là thu phục nhân tâm, cô lập các lực lượng nghĩa quân khỏi dân chúng. Làng nào có nhiều người theo nghĩa quân sẽ bị trừng phạt; tuy nhiên sẽ tạo cho dân chúng niềm tin ở lực lượng "hợp pháp." Muốn vậy, Nguyễn Thân quyết định phải tiêu diệt mọi cán bộ nghĩa quân tại các thôn xã, mà theo Nguyễn Thân còn nguy hiểm hơn cả các lãnh tụ Cần Vương. Chính nhờ họ mà nhiều năm qua Phan Đình Phùng có khả năng trừng trị những người ngả theo Pháp hay báo cáo tin tức với Pháp. Để thực hiện mục tiêu trên, Nguyễn Thân lập những đồn nhỏ và các toán binh lưu động hầu ngăn chặn các toán tiếp tế của Cần Vương; mặt khác, có thể bảo vệ các thôn xã một cách nhanh chóng. Đồng thời, truy tìm những cán bộ nghĩa quân tại địa phương, vì một khi nghĩa quân không thể thu thuế các làng xã, lấy đồ tiếp tế từ đây và phân tán mỏng để trú ẩn khi cần, sẽ dễ dàng hơn cho các đơn vị chủ lực tiêu diệt.

Trước áp lực của Nguyễn Thân, ngày 25/8/1895, Đề đốc Trạch, một tùy tướng của Phan Đình Phùng trấn đóng vùng La Sơn và Can Lộc, phái 200 quân vào phía Bắc Quảng Bình, chỉ giữ lại 100 người ở Hà Tĩnh. Phan Đình Phùng cũng rút đại quân ở vùng Vè và Cốc. Mặt khác, mật lệnh cho lãnh tụ Cần Vương ở Nam Trục nổi lên khiến Pháp phải rút Nguyễn Thân về; nhưng lực



lượng của Võ Cử Vinh ở Quảng Ngãi không thành công, bị Khâm sai Lê Trinh dẹp tan.

Vì không tin tưởng các cơ lính Hà Tĩnh nổi tiếng "hai mang," Nguyễn Thân xin thêm 500 súng, 1,000 lính Bình Định, Quảng Ngãi, Thừa Thiên, và lập binh. Mặc dù cho rằng đòi hỏi của Thân và sự nghi ngờ lính tập hay lính cơ An Nam [ở Hà Tĩnh] quá đáng, ngày 31/8/1895, Brière và Viện Cơ Mật vẫn chấp thuận. Lực lượng "thập tự quân" cũng được tận dụng. (31)

31. Báo cáo ngày 14/8/1895 của Nguyễn Thân về tình hình hành quân; Báo cáo ngày 31/8/1895, Brière gửi Rousseau (về đòi hỏi của Nguyễn Thân), và báo cáo ngày 15/9/1895 của Khâm sứ Brière (về cuộc hành quân của Nguyễn Thân); CAOM (Aix), Amiraux 22318.

**Ngày 19/12/1895, có tin Phan Đình Phùng muốn đầu thú Brière không chấp thuận cho.** (32)

32. CD số 477, ngày 19/12/1895; Amiraux, 22313.

Ngày 21/12/1895, nghĩa quân bị thua lớn. Ngày 27/12/1895, Phan Đình Phùng chết bệnh, khi quân Nguyễn Thân đang vây đánh. [Tin sơ khởi, bị thương sau trận đánh ngày 21/12/1895. Lại có tin bị chết đói, xác chôn trong một hốc cây. (Có tài liệu ghi là chết vào tháng 1/1896)].

Ngày 5/1/1896, Brière báo cáo Phan Đình Phùng đang ở tại Núi Quạt, bắc Quảng Bình (trong khu vực chỉ huy của Ngô Đình Khả). Hai ngày sau, 7/1/1896, Brière

báo cáo sắp dẹp tan nghĩa quân của Phan Đình Phùng.  
(33)

33. CAOM (Aix), Amiraux, 22313.

Tháng 1/1896, sau khi đánh bại dư đảng của Phan Đình Phùng, Nguyễn Thân và Ngô Đình Khả đào mộ Ngự sử Phùng mang về Vinh cho người nhà và một giáo mục Ki-tô nhận diện. Ngày 21/1/1896, Lê Tựu Khiết báo cáo về kết quả cuộc khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng. Rồi đốt thành than, trộn với thuốc súng mà bắn đi "theo tập tục An Nam." (34)

34. Báo cáo ngày 21/1/1896 của Lê Tựu Khiết về kết quả cuộc khám nghiệm tử thi Phan Đình Phùng; CAOM (Aix), Amiraux 22302. Có chi tiết "Phùng tóc trắng phau, không râu, mặt đen có điểm tàn nhang (petites péroles), một bàn tay có sáu ngón;" giống như báo cáo của Hoàng Cao Khải ngày 7/7/1894; GGI:9619, pièce 23.

Ngày 26/1/1896: Bộ Binh trình lên Cơ Mật viện tin Nguyễn Thân cho chạy cờ đỏ báo cáo đã bắt được Phan Đình Phùng và các phụ tá. Ngày 14/2/1896, Khâm sứ Brière báo cáo: Sau khi đánh bại dư đảng của Phùng, Nguyễn Thân và Ngô Đình Khả đào mộ Phùng, đốt thành than, rồi ném đi bốn phương "theo tục lệ An-Nam" [đối xử với các tội phạm]. (35)

35. Báo cáo ngày 14/2/1896, Brière gửi Toàn quyền.; Xem Ohụ Bản Tài liệu. Tư liệu này bác bỏ tin truyền khẩu đầu tên do Trần Trọng Kim dẫn trong bộ *Việt Nam Sử Lược*, II, [nd], tr 341)

### C. CẨM THÀNH DẬY SÓNG:

Dù Nguyễn Phước Chiêu được lập, mẹ vua không ngớt lo lắng cho sinh mệnh con mình. Theo truyền thuyết, mẹ Phước Chiêu đã bật khóc nức nở khi quân lính vào dẫn tự quân ra đi, và càng khóc lóc thảm thiết hơn nữa khi biết con mình sẽ được lập làm vua. Hiểu rõ nỗi lo sợ của mẹ vua, Rheinart đã cho thực hiện những biện pháp an ninh cẩn mật, đưa mẹ Phước Chiêu vào cung để bảo vệ tân quân. Đích thân Rheinart còn hứa với quả phụ của Dục Đức rằng Phước Chiêu là "con nuôi của nước Pháp." (36)

36. Báo cáo ngày 28/2/1889, Rheinart gửi Richaud; AMAE (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 74;

Dù đã gần 80 tuổi, Từ Dụ tích cực tham gia vào việc triều chính để duy trì uy thế triều đình và hoàng tộc. Từ Dụ, cho tới năm 1893, còn nuôi hy vọng người Pháp sẽ cho An-Nam được tự trị, bằng cách cắt thêm cho Pháp ba tỉnh bắc An Nam và vài tỉnh phía Nam. (37)

37. Báo cáo ngày 29/7/1901, Broni gửi Thuộc địa; CAOM (Aix), AF, carton 9, d. A-20 (50).

#### **1. Những Con Sóng Gió Đầu Tiên:**

Vì Nguyễn Phước Chiêu còn nhỏ tuổi, Rheinart trí quan tâm vua những đại thần đáng tin cậy nhất lúc bấy giờ là Nguyễn Trọng Hợp và Trương Quang Dẫn. Tại miền Bắc thì từ tháng 8/1890, Hoàng Cao Khải làm Kinh lược sứ. (38)

### 38. CAOM (Aix), Amiraux 47472.

Tuy nhiên, Nguyễn Trọng Hợp vẫn bị nghi chủ trương tái lập Nguyễn Phước Minh. Thứ nhất, Nguyễn Phước Minh được coi như một anh hùng dân tộc, và uy tín vua sẽ giúp củng cố uy tín triều đình trước mắt sĩ dân. Thứ hai, Nguyễn Phước Chiêu có tính tình bất thường. Cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa những cá nhân tham vọng, mới nổi của giai tầng thông ngôn, ký lục cũng có những hậu quả tai hại trên vua. Nguyễn Phước Chiêu chịu ảnh hưởng anh em Diệp Văn Cương và Diệp Văn Mạnh, hai thông ngôn gốc nam đã khuynh đảo triều Nguyễn Phước Biện. Chính Cương huấn luyện cho Nguyễn Phước Chiêu ít câu tiếng Pháp, và thói quen bắt tay xã giao của người Tây phương—cái bắt tay làm hài lòng Rheinart, nhưng rồi sẽ gây cho vua nhiều hệ lụy. Sau ngày Nguyễn Phước Chiêu lên ngôi, Cương được trả ơn bằng một người vợ nhỏ Hoàng tộc, công chúa Thiện Niệm, em Ứng Chơn.

Những thông ngôn, ký lục khác không dấu sự ganh tị. Trưởng phòng ký lục Lê Duy Hình, một nhân vật thân cận của Rheinart, chẳng mấy hài lòng khi thấy Diệp Văn Cương, một người Việt gốc Hải Nam, lộng hành ở Huế. Nhóm thông ngôn gốc Trung cũng muốn tiến thân, và loại bỏ các chương ngại vật như anh em Cương hay Hình. Nắm giữ chức vụ thân cận với các Khâm sứ và công sứ Pháp, và từng nhiều lần thông dịch những tài liệu cực kỳ bí mật về chính sách của Pháp, nhóm Ngô Đình Khả và Nguyễn Hữu Bài—với sự tiếp sức của các giáo sĩ Đường Trong Bắc và Đường Ngoài Nam—tạo nên một phe đảng mới ngày một nhiều ảnh

hương. Khả và Bài tìm cách đánh bóng dòng dõi của Thái tử Cảnh và Nguyễn Phước Biện, người đã do Caspar giới thiệu với Palasne de Champeaux và Roussel de Courcy. Mặc dù không ra mặt chống lại Phước Chiêu, nhóm Khả và Bài đã sử dụng những Hoàng tử có cổ phần "chính thống" trong việc kế vị như những lá bài trừ bị, và cũng phần nào để áp lực nhóm ủng hộ Nguyễn Phước Chiêu.

Ngay sau khi Rheinart hồi hương, Nguyễn Trọng Hợp vận động được Khâm sứ Hector, mới trở lại Huế ngày 10/5/1889 [cho tới 27/10/1891], trục xuất Cương về Nam. Em trai Cương là Diệp Văn Mạnh, bị đày vào Nha Trang, nhưng dọc đường chết bệnh. Nguyễn Trọng Hợp còn tố cáo Nguyễn Phước Chiêu biểu lộ nhiều triệu chứng bệnh thần kinh. Hector có vẻ nghiêng về lập trường phải thay Nguyễn Phước Chiêu. Tuy nhiên, Toàn quyền de Lanessan, và Khâm sứ Brière, người kế vị Hector, không ủng hộ quan điểm này. De Lanessan còn mang Diệp Văn Cương từ Sài Gòn ra Hà Nội, làm thông ngôn và người tin cậy trước sự khó chịu và bất mãn của Puginier.

**a. Vụ báo *Le Courier d'Haiphong*:**

Ngày Chủ nhật, 10/7/1892, tờ *Le Courier d'Haiphong* [Người Đưa Thư Hải Phòng] của J. de Cuers de Cogolin, dưới tựa đề "Huế," đăng một bài viết tố cáo sự lộng hành của Cương ở kinh sư. Hai trong những cáo buộc nặng nề nhất là Cương đã thông dâm với Hoàng Thái Hậu (mẹ Bửu Lân) và áp lực các triều thần đưa "Chiêu, Bửu Lân" lên ngôi. (39)

39. *Le Courrier d'Haiphong*, 10/7/1892; Nguyễn Vũ, *Paris: Xuân 1996* (Houston: Văn Hoá, 1997), Phụ bản 10, tr. 228-229; Hứa Hoàn 1999, tr. 248-249.

Tờ bán nguyệt san *Courrier d'Haiphong* này, theo Klobukowski và Beau vốn có liên hệ chặt chẽ với Hội truyền giáo. (40)

40. Báo cáo ngày 10/8/1908, Klobukowski gửi BTTĐ; CAOM (Aix), AF, carton 21, d. A-30 (113); và, báo cáo của Klobukowski và Beau; *Ibid.*, carton 3, d. A-11 (10).

Khâm sứ Levecque, năm 1906, cũng cho rằng thoát tiên Rheinart muốn lập Bửu Đảo, nhưng Diệp Văn Cương can thiệp, nên đã chọn Bửu Lân.

41. *Ibid.*, GGI, dossier 9577.

Puginier thì cho rằng Cương thông dâm với một vương phi của Nguyễn Phước Biện [Ứng Kỹ] và do đó bị triều đình yêu cầu trục xuất khỏi Huế. (42)

42. "Appréciations sur quelques actes publics de M. de Lanessan (15/2/1892);" ASME (Paris), vol 816, Tư liệu 165, pp 4-5.

Lý do đằng sau bài viết trên có lẽ là tờ Dụ đề ngày 10/4/1892 [13/3 Nhâm Thìn], theo đó Viện Cơ Mật đề nghị Toàn quyền de Lanessan trục xuất Lê Duy Hình khỏi An Nam, vì Hình đã từng man trá loại Bửu Lân khỏi danh sách ứng cử ngôi vua năm 1885, và phạm 4 tội tham nhũng, hối mại quyền thế khác. Đồng thời, yêu

cầu chính phủ Bảo hộ đừng cho bọn thông ngôn như Petrus Ký, Nguyễn [Trọng] Tạo, Diệp Văn Cương ở Nam Kỳ, hay Thông phán Tân ở Bắc đặt chân tới Trung Kỳ. (43)

43. Thư ngày 10/4/1892, Phủ Phụ chính gửi Toàn quyền; Ibid., GGI, dossiers 9618/8, & 9619. (Ngô Đình Khả dịch sang chữ Pháp).

Tuy nhiên, các viên chức Pháp vẫn nghi chính Nguyễn Trọng Hợp và Hoàng Cao Khải, Kinh lược sứ Bắc Kỳ, đã đứng sau lưng vụ này, với hy vọng hoàn trả ngôi vua cho Ứng Lịch [Hàm Nghi], đang bị lưu đày ở Alger.

***b. Vào Hồ Tịnh Tâm:***

Qua năm 1893, Nguyễn Trọng Hợp lại tố cáo Nguyễn Phước Chiêu "**điên loạn.**" De Lanessan phải cử một bác sĩ đến khám nghiệm vua. Brière lúc này cũng đã có ý định thay Nguyễn Phước Chiêu, nhưng chưa tìm được một ứng cử viên nào hợp ý. (44) Hơn nữa, vì các phong trào Cần Vương còn tiếp tục ở miền bắc An Nam và trung du Bắc Kỳ, các viên chức Pháp cố tránh khuấy động dư luận mẫu quốc.

44. Brière về nước từ 12/4/1894 tới 28/5/1895.

Tính tình bất thường của Nguyễn Phước Chiêu, tưởng cần nhấn mạnh, không thuần là sản phẩm tượng trưng của Nguyễn Trọng Hợp hay các đại thần ủng hộ Hàm Nghi hoặc dòng dõi Đồng Khánh như các mẫu chuyện đã sử tiểu thuyết lưu truyền trên báo chí, cơ quan truyền thanh, truyền hình. Càng ngày, vua càng

chứng tỏ những hành vi quái ác. Ngay đến Phụ giáo người Pháp là Millot cũng không hài lòng tính hạnh cậu vua học trò. Ngày 15/9/1893, Nguyễn Phước Chiêu bị bắt buộc phải vào Hồ Tịnh Tâm sám hối trong ba tháng. Từ Dụ Thái Hoàng Thái hậu tạm thời quản lý việc triều chính. Phụ giúp vua "tịnh tâm," có hai Phó Chủ tịch Tôn Nhơn phủ (Miên Tuấn và Hường Kiện), Đoàn Văn Hội (Lại), Bùi Ân Niên (Phụ đạo), Trương Như Cương (Hộ), Hồ Lệ (Đô sát viện), Huỳnh Hữu Xứng (Tham tri Quốc sử quán) và Tạ Thúc Đình (Tham tri bộ Lại, người từng chỉ trích ảo tưởng của Nguyễn Phước Biện về hai quả núi giả). Ngày 18/12/1893, Nguyễn Phước Chiêu mới được trở lại cung. Ngày 4/1/1894, Nguyễn Phước Chiêu ra Dụ về việc rời khỏi chỗ Tịnh tâm; (45)

45. CAOM (Aix), Indo, GGI, dossier 9618.  
Xem thêm báo cáo từng ngày của Millot trong tài liệu 42; Ibid.

***c. Tính nào, tật nấy:***

Từ đầu tháng 5/1894, Nguyễn Phước Chiêu lại trở về tính tình cũ năm trước. Theo Millot, vua không đến thăm các Hoàng Thái hậu và tái diễn những trò chơi tàn bạo. Ngày Thứ Hai, 26/5/1894, vua sai một thái giám đi mua đạn; không được [vì quan Pháp kiểm soát gắt gao], phạt roi thái giám trên đến trọng thương. Ba ngày sau, vua đánh đòn một cung nữ già uống rượu mà lại say. Rồi đánh cả người hầu bị dở hơi; tỏ vẻ khoái trá khi nghe nạn nhân la hét vì đau đớn. Ngày 7/6, một cung nữ bị chết vì trò chơi của vua. Millot nhận xét:

Vua rất thông minh nhưng kèm theo đó là tính tàn ác (cruauté) và hai mặt (duplicité) của Nguyễn



Phước Đảm [Minh Mạng], độc đoán (autorisme) của Nguyễn Phước Thời [Tự Đức] và sự bại hoại (dépravation) của Nguyễn Phước Biện [Đông Khánh]. (46)

46. Báo cáo ngày 19/6/1894, Millot gửi Khâm sứ; Ibid., dossier 9619.

Cựu Công sứ Thanh Hoá, Léon Boulloche, XLTV Khâm sứ từ ngày 12/4/1894, không mấy quan tâm, cho rằng Millot có lẽ đã phóng đại. Điều khiến Boulloche chú ý hơn là việc mẹ Nguyễn Phước Chiêu chuyển tiền ra ngoài thành, với sự giúp đỡ của vợ nhỏ thông ngôn Diệp Văn Cương. (47) Boulloche, như đã lược nhắc, từng phụ tá Rheinart điều tra về việc tẩu tán ngân khố vương quốc của mẹ con Nguyễn Phước Biện vào đầu triều Nguyễn Phước Chiêu.

47. Ibid., dossier 9618.

Bên cạnh những hành vi bất thường trên, Nguyễn Phước Chiêu còn bị cáo buộc tội như loạn luân với cô và cháu gái.

Trong khi đó, vì Nguyễn Phước Chiêu đã gần 18 tuổi, Phủ Phụ chính đến lúc phải giải thể. Để chuẩn bị, ngày 7/11/1896, Bộ trưởng Thuộc Địa André Lebon yêu cầu Hà Nội báo cáo về việc nói ngời ở Huế. Ngày 25/1/1897, Brière viết một bản báo cáo khá dài về vấn đề kể vị. Theo Brière, Nguyễn Phước Chiêu bị ảnh hưởng của một bệnh di truyền (*atavisme morbide*) mà chắc chắn là "suy nhược thần kinh" (*neurasthénique*); và, chẳng có gì để ngạc nhiên nếu một sáng nào thức dậy thấy Nguyễn Phước Chiêu đã chết vì một âm mưu

nào đó trong hậu cung. Nhưng trong số hơn 2,000 vương tôn, Hoàng tử, Brière không tìm ra một ứng cử viên khả dĩ nào. Vũ khí bí mật của Rheinart, tức Cường Đê, thì "lười biếng, hút thuốc phiện, và ham cờ bạc." Bửu Đảo, con Nguyễn Phước Biện, bị nghi có bệnh "điên" di truyền của cha, và khó có con nối dõi. Hầu hết các đại thần đều muốn đưa Hàm Nghi trở lại ngai vàng. Vẫn theo Brière, hệ thống Phủ Phụ Chính tạo quá nhiều trở ngại. Các Phụ chính thường không lưu tâm đến vấn đề trường kỳ mà chỉ lo cho lợi nhuận bản thân. Brière đề nghị dẹp bỏ cơ quan này, giao cho vua đích thân cai trị dưới sự điều khiển trực tiếp của Pháp. Brière cũng đề nghị thay Nguyễn Trọng Hợp, Trương Quang Dẫn và Nguyễn Thuật (Bộ Lại) bằng những người mới như Nguyễn Thân, Hoàng Cao Khải, Hồ Lệ (thay Đào Tôn hay Tiến, hay Tấn). (48)

48. Ibid., dossier 9619, tư liệu 38-39.

Phe bảo vệ Nguyễn Phước Chiêu cũng khá đông. Ảnh hưởng nhất là Từ Dự Thái Hoàng Thái hậu. Nguyễn Thân, Phụ chính Đại thần, là cha của nhị giai của vua. Thân Trọng Huê (1869-1925)—cũng một phò mã, mới du học Algérie về, thay Hoàng Trọng Phu ở chức thông ngôn riêng cho vua—hết sức bênh vực Nguyễn Phước Chiêu. Theo Huê:

Những bài báo và truyền thuyết tự do phóng đại đã tạo nên thành kiến và nhận định sai lầm về vua, khiến những chuyện nhỏ nhặt cũng bị thổi phồng lên đầy sai lạc.

Vua tự nhiên có những khuyết điểm; bản tính ông ta khá lười biếng. Nhưng ông ta có những đức

tính quý báu khiến có thể tin rằng nếu được hưởng dẫn đúng mực ông ta sẽ trở thành một minh quân.

Những đặc tính rõ ràng là lòng ưa thích sự thẳng thắn rất hiếm có tại các triều đình, và sự bình dị, khiến vua nhiều hơn một lần quên những chi tiết nhỏ nhặt mà lễ nghi đòi hỏi. Vua thích ra ngoài thành như một người bình dân và muốn được là bạn bè của dân chúng. Vua cảm thương nỗi nghèo khổ của dân, và chứng tỏ sự ưu ái đối với những người già cả, chẳng có dấu hiệu nào là "dã man" như người ta buộc tội.

Vua thấy buồn chán trong cung, tội nặng nhất của vua là chẳng có việc gì để làm, và vua cũng được khuyến khích đừng nên có ý kiến gì về những báo cáo được trình ký. Vua cho khoảng 50 cung nữ ăn mặc theo kiểu Amazone mà vua điều khiển như một đạo quân Tây phương. Có lần vua dùng dây đồng buộc hai ngón tay cái của phi tần để trừng phạt cô ta, và vua quên không cởi ra khiến hai ngón tay cô ta rơi rụng. Các trò chơi giàu tưởng tượng của một ông vua ăn không ngồi rồi (*un souverain désœuvré*) tàn nhẫn, nhưng chưa đủ để buộc tội vua phóng túng (*déchainement*) hay là hiện thân "một quái vật tàn bạo" (*un monstre de cruauté*). (49)

49. Thư Thân Trọng Huệ ngày 8/4/1897; Ibid., dossier 9619/30. Thân Trọng Huệ thuộc một dòng họ lớn. Con gái là Thân Thị Nam Trân, vợ Luật sư Trần Văn Chương; và, trong số cháu ngoại, có Trần Thị Lệ Chi, Trần Thị Lệ Xuân, và Trần Văn Khiêm. Khiêm đã giết chết cả hai vợ chồng Trần Văn Chương và Thân Thị Nam Trân tại Mỹ, một phần vì

bị tước quyền thừa kế. Lê Xuân công khai bệnh vực Khiêm. Theo Ngô Đình Nhu, nếu Trần Văn Chương về Sài Gòn, Nhu sẽ treo cổ ở bùng binh chợ Bến Thành, và Lê Xuân hẳn sẽ khoan khoái kéo giầy. Theo Tướng Aymé, Nam Trân từng có liên hệ bất chính với tướng tá, chính khách ngoại quốc để mưu cầu danh vọng cho chồng con. Nhu từng la khách quen của Câu Lạc Bộ do Nam Trân cầm đầu, trước khi lấy Lê Xuân, qua màn kịch đi riêu khu bờ Hồ-Hàng Đào cùng một cô đầu nổi danh, khiến gia đình Án Sát Nguyễn Liên phải tuyên bố hồi hôn.

### **III. PAUL DOUMER (1897-1902) VÀ CUỘC ĐẠI CẢI CÁCH 1897:**

Thời gian này, Toàn quyền Rousseau chết đột ngột ngày 10/12/1896, và Paul Julien Auguste Fourès tạm xử lý thường vụ. Ngày 27/12, Dân biểu Paul Doumer, Bộ trưởng Tài chính của chính phủ Bourgeois, được cử làm Toàn quyền Đông Dương, nhưng hơn một tháng sau mới nhậm chức (ngày 12/2/1897).

#### **A. NHỮNG KẾ HOẠCH LỚN CỦA DOUMER:**

Doumer mang sứ mệnh cải biến lại tổ chức thuộc địa Đông Dương, dân sự hoá guồng máy hành chính, đồng thời cải thiện tình hình tài chính và kinh tế. Nhiều biện pháp được thực hiện như sửa đổi các điều luật thuế hậu gia tăng ngân sách, phát triển các hệ thống giao thông, đặc biệt là đường hỏa xa—kỳ quan “xe chạy không cần ngựa kéo” thường được thêu dệt vào sự khôn

ngoan, tài giỏi của Paul Nguyễn Trường Tộ từ thập niên 1860. (50)

50. Trong số huyền thoại về Nguyễn Trường Tộ, còn có đèn điện và xe hơi chỉ xuất hiện trong thế kỷ XX.

### **1. Chính phủ Liên bang:**

Doumer khởi đầu nhiệm kỳ của mình với một Sắc luật cải tổ guồng máy hành chính của chính phủ Liên bang Đông Dương. Toàn quyền trở thành một chức vụ chính trị, do Tổng thống bổ nhiệm. Quyền lực của Toàn quyền rất rộng lớn. Mặc dù đặt dưới sự điều động của Bộ Thuộc địa, Toàn quyền có quyền hạn như quốc trưởng của Thuộc địa, đặc biệt là quyền ân xá, ký nghị định áp dụng những Sắc luật do Quốc hội ban hành, phê chuẩn ngân sách Liên bang cũng như 5 xứ phụ thuộc. Mọi nghị quyết của 5 chính phủ địa phương phải được sự phê chuẩn của Toàn quyền mới có hiệu lực. Toàn quyền cũng có quyền điều động quân đội, ban hành lệnh giới nghiêm.

Giúp việc Toàn quyền gồm các Tổng Nha chuyên trách về nhân viên, tài chính, kinh tế, tư pháp, thuế khoá, tư pháp, y tế, giáo dục, và đặc biệt là an ninh-cảnh sát. Tổng Nha Chính trị vụ và Liêm phóng (*Direction Générale des Affaires Politiques et de la Sureté*) giữ nhiệm vụ cảnh sát chính trị, trong khi cảnh sát sắc phục chỉ chịu trách nhiệm về các vấn đề vi cảnh và hình tội thông thường. Những viên chức làm việc cho chính phủ được chia làm hai loại: công chức thuộc địa, dành cho công dân Pháp, và công chức bản xứ. Tuy nhiên, dưới

thời Doumer, chưa có một qui chế pháp định nào cho ngạch công chức bản xứ.

## **2. Cải cách kinh tế và tài chính:**

Vấn đề hàng đầu dưới thời Doumer là kinh tế và tài chính. Vì Đông Dương không còn được Paris tài trợ nữa, ngày 31/7/1898, Doumer ký nghị định thiết lập một ngân sách Liên bang, và năm ngân sách địa phương. Ngân sách liên bang dựa trên các loại thuế xuất/nhập cảng, công quản (thuốc phiện, rượu và muối), và các thuế trung thu đầu đất đai. Ngân sách địa phương thì do các loại thuế trực thu đã hiện hữu từ trước.

Đáng lưu ý nhất là chế độ công quản rượu. Trước đây, rượu được cất tự do. Giá bán một lít rượu chỉ từ 5 xu (rượu ngang) tới 10 xu (rượu thơm). Thuế đánh trên rượu cũng rất nhẹ. Dự năm 1872 của Nguyễn Phước Thời đánh thuế các nhà cất rượu làm 3 hạng: 48 lạng, 36 lạng và 24 lạng mỗi năm. Trước năm 1897, các công sứ vẫn áp dụng thuế trực thu trên môn bài cất rượu. Từ năm 1893, rượu được chia làm 2 loại: rượu bản xứ và rượu Âu châu; thuế rượu ngang là 15 đồng một năm. Từ năm 1897, Doumer áp dụng chính sách độc quyền bán rượu. Thuế thu trực tiếp trên số lượng sản xuất mà không phải môn bài nữa. Như thế, rượu trở thành thuế gián thu. Ngày 1/6/1897, Doumer ký nghị định phạt tù đến 2 tháng những người nấu rượu lậu. Tại mỗi tỉnh, Tổng Nha Quan thuế và Công quản sẽ cho một nhà thầu đại lý mua rượu của những người sản xuất, rồi bán lại cho các tiệm bán lẻ. Giá mua từ 6 tới 7 xu một lít, nhưng bán ra tới 20 xu. Ngày 7/12/1899, Doumer bắt đầu trực tiếp mua bán rượu. Nghị định ngày 9/3/1900

qui định các nhà cất rượu phải xây cất bằng gạch, với tường vây quanh cao ít nhất 2 mét. Nghị định này trên thực tế loại bỏ hầu hết các nhà cất rượu bản xứ. Ngày 1/7/1900, một luật khác bắt buộc các nhà máy chế biến rượu phải tập trung tại những trung tâm định sẵn. Năm 1901, hai công ty *Société française des Distilleries de l'Indochine* của A. F. Fontaine, với vốn 2 triệu francs; và *Société française des Distilleries du Tonkin* được thành lập và được độc quyền cất rượu.

Những luật năm 1902 còn cấm lập thêm nhà máy cất rượu mới, và các nhà máy rượu bắt buộc phải bán hết sản phẩm cho công quản. Cơ quan này sẽ định giá mua từ các nhà cất rượu. Từ năm 1903, *Compagnie Générale du Tonkin et du Nord Annam* của Raoul Debeaux trở thành Tổng Đại lý rượu ngang ở Bắc và Trung Kỳ. (51)

51. CAOM (Aix), INF, carton 107, d. 1027.

Về muối, trước đây dân chúng được tự do làm muối, và triều đình chỉ thu một số thuế rất giới hạn. Từ năm 1898, Doumer bắt dân làm muối phải mang cân ở sở đoan, bán cho nhà nước. Việc chuyên chở, dùng và mua muối lậu đều bị trừng phạt. (52)

52. Hậu quả là giá muối tăng từ 5 hào một tạ năm 1897, lên tới 2.25 đồng một tạ năm 1907. Năm 1926, dân làm muối bán cho công quản với giá 6 hào/1 tạ; chính phủ bán ra cho đại lý 3.70 đồng 1 tạ, nhà buôn bán ra cho dân, 6\$ tới 7\$ 1 tạ.

Không kém sáng tạo là việc bán thuốc phiện. Vì đây là nguồn lợi tức quan trọng, chính phủ Liên bang giữ

độc quyền. "*Thuốc phiện ty*" được đóng trong những hộp đóng kín và dán thuế công quản trước khi bán ra cho người tiêu thụ. Năm 1898, Nguyễn Phước Chiêu ký Đạo Dụ ủy cho chính phủ Bảo hộ xếp đặt việc mua, bán, và nấu thuốc phiện.

Trong những thập niên đầu của thế kỷ XX, các loại thuế công quản mang lại khoảng 70% tổng số thu của ngân sách Liên bang. (53)

Các loại thuế thân và thuế đất, ruộng đều gia tăng. Để khuyến khích việc đầu tư vào Đông Dương cũng như khai thác tài nguyên thuộc địa, năm 1898, Doumer đưa ra dự án thành lập đường xe hỏa. Kế hoạch thứ nhất, do ngân sách chính phủ Liên bang tài trợ, là đường xe lửa xuyên Đông Dương, dự trù chạy song song với đường cái quan của nhà Nguyễn. Kế hoạch thứ hai là đường xe lửa nối liền Hải Phòng với Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam—để thay cho giấc mơ sử dụng sông Hồng xâm nhập thị trường Hoa Nam của ba thập niên trước. Đường xe lửa thứ hai này đặc nhượng cho công ty tư nhân *Compagnie française du Chemin de Fer du Yunnan* năm 1901. Riêng đường xe lửa xuyên Đông Dương, việc tiến hành rất chậm. Chỉ có hai đoạn Sài Gòn/Mỹ Tho và Hà Nội/Lạng Sơn hoàn tất sớm hơn cả. Việc lắp đường xe lửa từ Yên Bái tới Lào Kay và từ Lạng Sơn về Hà Nội gặp nhiều khó khăn. Nhiều toán cướp tấn công. Tháng 6/1905, một nhân viên kế toán của công ty hỏa xa bị giết; (54)

54. Báo cáo số 1594, ngày 19/7/1905, Gougal gửi Colonies; CAOM (Aix), AF, carton 9, d. A-20 (53).



### **3. Tổ chức lính "khố xanh":**

Doumer cũng thiết lập một binh chủng mới gọi là *garde indigène* (bảo an bản xứ), thường biết như lính khố xanh ở miền Trung và Bắc, và mã tà ở miền Nam. Các đơn vị này là lính cơ hữu của tỉnh, có nhiệm vụ bảo an, do các sĩ quan (lãnh binh) và hạ sĩ quan Pháp chỉ huy.

### **B. CẢI CÁCH TẠI AN NAM:**

Vì An Nam là một xứ nghèo nhất của 5 xứ Đông Dương, Doumer chẳng mấy quan tâm. Khâm sứ Brière và những người kế nhiệm hầu như được toàn quyền định đoạt.

Mùa Thu 1897, nêu lý do vua đã trưởng thành cần trực tiếp cầm quyền, người Pháp thực hiện một số cải cách ở An Nam. Những cải tổ này khiến vua chỉ còn nhiệm vụ "lễ nghi"—như tế Nam Giao hay tịch điền (cấy lúa)—và ký tất cả các sắc, dụ, chiếu, chỉ mà không cần tìm hiểu nội dung hay phê bình.

### **1. Cải cách về tổ chức và nhân sự:**

Cải cách quan trọng nhất là chính thức tách biệt Bắc Kỳ khỏi quỹ đạo của Huế. Ngoài ra, vì cần nhân công xây đường xe lửa và đường xá, cầu cống, Doumer cũng tăng việc sưu dịch tại Bắc Kỳ và An Nam. Những biện pháp cải đổi khác chỉ thực sự ảnh hưởng trên 12 tỉnh duyên hải miền Trung, từ Thanh Hoá vào tới Bình Thuận.

Ngày 26/7/1897, Nguyễn Phước Chiêu ký Dụ nhượng cho Thống sứ Pháp mọi uy quyền của một Kinh lược. Từ nay, Thống sứ Pháp—chức vụ mới được tái

thiết lập ngày 8/6/1897—có quyền bổ nhiệm, thăng thưởng hay cách chức các quan lại bản xứ mà không cần xin phép triều đình Huế. Ngày 13/8/1897, Doumer phê chuẩn. (55)

55. Ibid., GGI, dossier 9576.

Khoảng hai tháng sau, ngày 27/9/1897, vua lại "ban Dụ" bãi bỏ Hội đồng Phụ chính, Hội đồng Thượng thư, tái tổ chức Viện Cơ Mật, qui định chức năng Khâm sứ, và tái tổ chức các bộ. Hai Phụ chính Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải—cặp bài trùng thống trị Phủ Phụ chính sau khi Nguyễn Trọng Hợp bị về hưu ngày 29/6/1897—trở thành Cố vấn. Triều đình vẫn có 6 bộ; mỗi bộ do một thượng thư cầm đầu. Phụ tá Thượng thư có Tham tri. Dưới Tham tri là hai Thị lang: Tả Thị lang lo 6 tỉnh Tả trực Kỳ (Huế vào Bình Thuận); Hữu Thị lang lo các tỉnh Hữu Trực Kỳ (phía Bắc Huế), và những công việc tại Bộ. Mỗi bộ có đại diện (délégué) Pháp. Thay đổi quan trọng nhất là từ nay Viện Cơ Mật sẽ gồm 6 Thượng thư, do Khâm sứ Pháp chủ tọa các phiên họp. Khâm sứ cũng có quyền chủ tọa các phiên họp của Hội đồng Tôn Nhơn Phủ. Tại hai bộ Lại và Công, tức hai bộ quan trọng nhất, có cố vấn Pháp. Ngày 28/9/1897, Doumer phê chuẩn. (56)

56. Ibid.

Quyền lực thực tế của Khâm sứ còn lớn hơn những điều qui định trên các văn bản Đạo Dụ hay Qui ước. Các nhân vật tín cẩn nhất của Pháp nắm trọn quyền thi hành lệnh của Bảo hộ, dưới sự chỉ huy của viên Khâm sứ. Nguyễn Thân được cử giữ Bộ Lại; Hoàng Cao Khải, Bộ

Binh; Huỳnh Vỹ, Bộ Lễ. Chỉ còn Nguyễn Thuật là người thuộc "cựu triều" mà người Pháp đã sử dụng trong giai đoạn "bình định và chiêu hồi" các phong trào kháng Pháp.

Nhận định về của Doumer về Hoàng Cao Khải phản ánh chung giá trị các đại thần Huế dưới mắt các viên chức Pháp:

Y chỉ là một tô tử của chúng ta. Sự tin cậy của nước Pháp đã cho y quyền hành và thế lực. (57)

57. Paul Doumer, *L'Indochine française* (Paris: 1905), tr. 141.

## **2. Cải cách tư pháp:**

Tại An Nam có hai hệ thống pháp luật. Với kiều dân Pháp và Âu châu, luật Pháp được áp dụng. Với người Việt, bộ Luật Gia Long, do Nguyễn Văn Thành soạn thảo năm 1815, vẫn còn hiệu lực. Năm 1898, triều đình hủy bỏ toà án Tam Pháp, tức toà án tối cao để tái xét những án tại các tỉnh và các quyết định của lục bộ. Mãi tới năm 1902, nhờ tình trạng tài chính cải thiện, Quyền Khâm sứ Paul Louis Luce mới cho tái lập Tam Pháp. (58)

58. Báo cáo số 626, 5/3/1902, Broni gửi Colonies; CAOM (Aix), AF, Carton 9, d. A-20 (50).

## **3. Cải cách về tài chính:**

Ngày 4/2/1898, Boulloche thay Brière làm Khâm sứ Huế. Trong năm 1898, triều đình Huế lại cải cách về tài chính. Ngân sách Bắc và Trung kỳ tách biệt ra. Mỗi năm, Bắc kỳ chỉ đóng góp cho triều đình Huế một số tiền nhất định (từ 10,000 quan tới 50,000 quan). Dự

ngày 15/8/1898 [25/6 Thành Thái thứ X] về việc cải tổ tài chính ở Trung kỳ này bao gồm cả vấn đề thuế thân, thuế ruộng đất, mức thuế, cách thu thuế v.. v... , và được Doumer phê chuẩn ngày 21/8/1898; hiệu lực từ ngày 1/1/1899.

Cuộc cải cách 1898 tiếp theo bằng những công tác đặc điền, định lại thuế thân và thuế ruộng đất, nông sản và lâm sản. Nhờ vậy năm 1900, số thuế thân và điền thổ lên tới 1,894,000 đồng, năm 1901 tới 1,999,200 đồng, và năm 1902 dự trừ thâu vào 2,036,228 đồng. Tại Thanh Hóa, trong năm 1902, thuế thu được tăng thêm \$50,000 so với tài khoá 1901, tại Hà Tĩnh, tăng 20,000 đồng, Quảng Nam, 28,000 đồng, và Bình Định tăng 30,000 đồng. (59)

59. Ibid.

Các viên chức Pháp cũng bắt đầu thu thuế chợ và bến đò. Mặc dù số thu ở An Nam không đáng kể như Bắc Kỳ, nhưng khá quan trọng. Nhờ vậy, ngân sách Trung Kỳ năm 1901 tăng 223,000 đồng so với tài khoá 1900. Ngân sách của triều đình An Nam năm 1901 cũng tiết kiệm được 134,468 đồng. Năm 1902, quan chức ở các bộ bị cắt giảm, đặc biệt là tại các Bộ Hộ, Binh và Công. Năm 1895, tổng số quan lại chỉ còn 2998 người; chia làm 1841 quan văn, 1157 quan võ. (60)

60. Báo cáo số 626, ngày 5/3/1902, Broni gửi Colonies; Ibid.

Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải còn cố gắng giải quyết sự thiếu hụt tiền bạc bằng cách đào tìm kho tàng trong Cẩm thành. Vua Nguyễn Phúc Đảm, theo truyền thuyết, đã chôn cất rất nhiều vàng bạc, châu báu trong

những thùng (rương) lớn. Tuy Lý Vương tiết lộ rằng khi còn nhỏ, Hoàng thân đã phụ giúp vua cha chuẩn bị những thùng này, nhưng không hiểu số vàng bạc cất dấu có đơn vị là nén (375 grams) hay lượng (37.5 grams). (61)

61. Báo cáo số 626, 5/3/1902, Broni gửi Colonies; Ibid.

#### **4. Cải cách về Giáo dục:**

Một trong những cải cách quan trọng nhất về giáo dục tại Huế là bãi bỏ trường Hành Nhon, thay bằng trường Tây Tục Quốc Học. Nguyễn Thân giao cho Ngô Đình Khả—mới được ban chức Thái Thường Tự Khanh (chánh tam phẩm) sau chiến thắng Phan Đình Phùng—trách nhiệm nghiên cứu việc thành lập. Kế hoạch này muốn tiếp nối giấc mộng lỡ dở của Gauthier và Nguyễn Trường Tộ gần ba thập niên trước. Hơn nữa nhu cầu học tiếng Pháp ngày một gia tăng, trong khi cả miền Trung chỉ có hai trường dạy tiếng Pháp là *L'Alliance Francaise* ở Tourane và Trường Hành Nhon.

Ngày 23/10/1896, Viện Cơ Mật ra Dụ ủy cho Trương Như Cương (Bộ Hộ), Huỳnh Vĩ (Bộ Lễ), và Ngô Đình Khả (Thương biện Cơ Mật) lo việc thành lập trường Tây Tục Quốc Học. Trường sẽ trở thành trung tâm huấn luyện chữ Pháp và quốc ngữ mới cho con cháu Hoàng tộc, ấu sinh, cùng các Hậu bổ, tức những người đã tốt nghiệp đại khoa Hán học, chờ ngày bổ nhiệm. Muốn nhập học, các Hậu bổ phải trong hạn tuổi từ 24 tới 28, và chưa biết chữ Pháp. Chương trình dự trù kéo dài ba năm; cứ 3 tháng thi một lần, mỗi năm một kỳ thi

cuối khóa, gồm viết và vấn đáp. Các học viên không Hậu bổ thì phải trong hạn tuổi dưới 20.

Khâm sứ Brière—mới được Rousseau tái bổ nhiệm làm Khâm sứ từ ngày 28/5/1895—đề cử Khả làm Giám đốc, nhưng Rousseau, qua nghị định ngày 18/11/1896, cử Edmond Nordemann làm Giám đốc; Khả chức Phó Giám đốc, phụ trách vấn đề nhà cửa, lương bổng. Trường khai giảng khoá đầu tiên năm 1897, với 200 học sinh. Khoá đầu tiên ra trường vào năm 1899. Trường thành lập trong một trại Hải quân đã bị bỏ trống. Cả trường chỉ có một nhà dài 80 mét, chia làm 7 ngăn, dùng làm lớp học và 6 phòng ngủ cho các giáo sư. (62)

62. Báo cáo ngày 23/4/1897; CAOM (Aix), RSA, carton R1.

Ngày 23/3/1901, Khâm sứ Auvergne ký nghị định thành lập một Hội đồng thường trực kiểm soát, do Chánh văn phòng Khâm sứ làm Chủ tịch; với 5 thành viên: Đại biểu Pháp tại Bộ Lại và Binh, Thượng thư Bộ Lễ và Công; Giám đốc trường. Niên học 1903, trường Quốc học có 168 học sinh, gồm 12 Hậu bổ (*gradués* có bằng Tiến sĩ, Cử nhân, hay Tú Tài), 36 công tử, tôn sinh, và ầm tử (con quan lớn), 120 trẻ nhà thường dân. Từ 1897 tới 1903, đã có 436 học sinh tốt nghiệp; 93 người có việc làm, trong số đó có 10 Hậu bổ. Năm 1905, hai cựu học sinh khác là Phan Chu Trinh và Đào Nguyên Phổ được báo cáo là có việc làm: Phó bảng Trinh, Hành tẩu Bộ Lễ, và Đào Nguyên Phổ phụ trách phần Hán ngữ của *Đại Việt Tân Báo*. (63)

63. CAOM (Aix), GGI, dossier 5921; Amiraux 23750, 51077; Nguyễn Vũ, *Paris Xuân 1996*

(1997), tr. 111-112. Trong những thư từ và tác phẩm còn lưu trữ, thường ghi Phan Châu Trinh, Phan Châu Dật.

### C. NHỮNG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI/KINH TẾ:

Như đã lược thuật, một hiện tượng xã hội có tính cách đặc thù của thời Pháp thuộc từ Bắc chí Nam là sự biệt phân giữa thôn quê và tỉnh thị.

#### **1. Sự thành hình của các tỉnh thị:**

Dưới thời Nguyễn Phước Chiêu, sự phát triển của các tỉnh lỵ và thị xã bắt đầu có những kết quả hiển lộ. Sau nhiều năm bị mất đi cương vị kinh đô của vương quốc, Hà Nội trở thành một thành phố quan trọng nhất về phương diện hành chính và chính trị. Guồng máy hành chính thuộc địa của Liên bang Đông Dương được đặt tại đây. Những cấu trúc Tây phương được xây dựng, che khuất dần dần tích thành quách, đền miếu cũ đã điêu tàn, đổ nát sau nhiều cơn binh lửa. Vào năm 1899, dân số Hà Nội lên tới hơn 100,000 người, gồm 950 người Âu, 1,697 người Hoa, 42 Indian, và khoảng 100,000 người Việt.<sup>(64)</sup> Hải Phòng, từ một làng đánh cá nghèo nàn gần cửa Cẩm, biến thành một hải cảng trù phú, qui tụ 1,000 người Âu, 5,000 người Hoa, 50 người Nhật, 38 người Indian, và khoảng 10,000 người Việt. Tại An Nam, Vinh và Tourane cũng trở thành những trung tâm cư trú mới. Năm 1899, Vinh có 25 người Âu, 190 người Hoa, và 12,000 người Việt, so với tổng số 69 người Âu, 256 người Hoa và 860,260 người Việt của toàn tỉnh Nghệ An. Tourane trở thành một thị xã khoảng 4,600

dân với 100 người Âu, 50 người Hoa, 4,500 người Việt. Để đáp ứng sự phát triển, ngày 20/10/1898, Nguyễn Phước Chiêu ra Dụ thành lập các thị xã Thanh Hoá, Vinh (Nghệ An), Huế (Thừa Thiên), Faifo (Quảng Nam), Qui Nhơn (Bình Định), Phan Thiết (Bình Thuận).(65)

64. *Annuaire général de l'Indochine française, 1899* (Hà Nội: Schneider, 1899), pp 217, 238, 364, 346. Sđ dẫn: *AGIF 1899*.

65. Doumer phê chuẩn ngày 30/8/1899; Ibid.

Tuy nhiên, phải sáu năm sau, Viện Cơ Mật mới ban hành Dụ ngày 1/10/1903 thành lập ngân sách hàng tỉnh. [Paul Beau phê chuẩn ngày 10/12/1903].

## **2. Việc xây cất đường xe lửa:**

Dưới thời Khâm sứ Jean Auvergne (3/1900-6/1904), miền Trung còn rộn rã với những phát triển mới như thiết lập các nhà máy ở Vinh, và nhất là xây dựng đường xe lửa xuyên Đông Dương. Hai đoạn đường được khởi công đầu tiên là đoạn từ Hà Nội vào Vinh, và từ Đà Nẵng ra Huế.(66)

66. CAOM (Aix), AF, carton 9, d. A-20 (50).

Công việc nặng nhọc, vất vả khiến nông dân cực kỳ bất mãn. Suu dịch cho con đường nối liền đường cái quan (Quốc lộ 1) và các đồn điền quý ở Trà My, Tam Kỳ cũng gây nhiều ta thán.(67)

67. Báo cáo số 626, 5/3/1902, Broni gửi Colonies; Ibid. Xem thêm chi tiết trong chương sau.

## **3. Vụ án Kỳ Đồng:**



Dưới thời Doumer, một biến cố ít được chú ý là vụ án Kỳ Đồng, Nguyễn Văn Cẩm (1875-1929). Từ nhỏ Nguyễn Văn Cẩm đã nổi danh thông minh. Sau được gửi qua Algérie, và tốt nghiệp Tú Tài Pháp. Trở lại Bắc Kỳ năm 1896, năm sau Nguyễn Văn Cẩm hô hào dân chúng lên khai khẩn đồn điền ở vùng Thái Nguyên. Kỳ Đồng thành lập được 7 làng với khoảng 8,000 xuất đinh tại Yên Thế. Lo ngại ảnh hưởng của Kỳ Đồng, ngày 22/9/1897, Chỉ huy trưởng khu Nhã Nam cho lệnh bắt giữ, giải vào Sài Gòn. Việc này khiến những người theo Kỳ Đồng tổ chức nhiều cuộc biểu tình tại Hải Dương, Hải Phòng và Thái Bình trong đêm 15/12/1897. Ngày 24/1/1898, Toàn quyền Doumer định đày Kỳ Đồng đi Guyanne, nhưng sau đó Bộ trưởng Thuộc Địa đổi qua Tahiti.(68)

68. CAOM (Aix), GGI, dossiers 9934, 6069; Amiraux 20287; Tonkin 6F 175, 177, 183, & 185.

Tầm quan trọng của bản án kỳ lạ này không phải là bản án phi lý, mà là sự trừng phạt nặng nề một học sinh du học từng tốt nghiệp chương trình giáo dục thuộc địa Bắc Phi Pháp. Trong khi một thiểu số học viên du học—như Hoàng Trọng Phu, Thân Trọng Huề, Bùi Quang Chiêu, v.. v..—trở thành những công chức hay quan lại được bảo hộ gương mẫu, trường hợp Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cẩm chứng tỏ học vấn kiêu Pháp không bảo đảm tình bạn thực thà hay sự hàng phục vô điều kiện. Nhưng chế độ bảo hộ Pháp vẫn cần những cá nhân bản xứ trung gian thành thạo tiếng Pháp và nể phục nền văn minh Gô Loá [Gaulois]—một cường quốc trên thế giới. Ngoài ra, cơn sốt “duy tân” hay “đổi mới” bắt đầu bọ phát từ sau

kinh nghiệm Nhật Bản, một nước đồng văn, đang được Liên Bang Mỹ mở cửa vào cửa lớn văn minh thế giới, thoát khỏi tình trạng giam hãm, tù ngục của chữ Hán và nền văn hóa mà Karl Marx từng rề rúng gọi là “vật hóa thạch còn sống.”

#### IV. ĂN KHÔNG, NGỒI RỒI, 1897-1907:

Cuộc đại cải cách 1897 khiến Nguyễn Phước Chiêu chỉ còn lại nhiệm vụ nghi lễ thuần túy. Tuy nhiên, vua—như Thân Trọng Huề mật báo với Doumer—tính tình xuề xòa, đơn giản, không thích bị nghi lễ trói buộc. Vua hớt tóc cao, cạo răng trắng, mặc Âu phục, thích bắt tay người Pháp, mua xe hơi, và bắt các cung phi mặc theo y phục Tây phương mỗi lần ra khỏi cung cấm. Vua cũng thích giao du với cộng đồng Pháp, thỉnh thoảng lui tới Cercle Sportif ở sát chân cầu Tràng Tiền.

Dẫu vậy, cộng đồng Pháp kiêu chảnh ưa gì vua. Ngày Thứ Năm, 24/9/1900, chẳng hạn, nhật báo *Le Mékong et le Courrier Saigon de Réunion* của nhóm tả phái đăng bài "*Gamineries d'un jeune Empereur*" [Những trò tinh ma của một ông vua trẻ tuổi] của Fidès công khai mạ lỵ Nguyễn Phước Chiêu. Báo này kêu gọi phải hạ bệ ngay Nguyễn Phước Chiêu vì:

Thành Thái là một thằng mất dạy, đẩy tội ác tới mức dã man và yêu đàn bà đến độ mổ bụng họ ra để xem có gì trong đó.

*"Than-Tai est un jeune homme mal élevé, poussant le vice jusqu'à la c[r]uauté et aimant la femme jusqu'au point que lui ouvrir le ventre pour savoir ce qu'il de dans." ( 69)*

69. *Le Mékong et le Courrier Saigon de Réunion* (Sài Gòn), 24/9/1900).

Mùa Hè 1901, Nguyễn Phước Chiêu mất thêm trụ cột nương tựa cuối cùng. Ngày 23/5/1901, Từ Dụ Thái Hoàng Thái Hậu mất, thọ 93 tuổi. Chính Từ Dụ đóng một vai trò không nhỏ trong việc lấy Bửu Lân ra khỏi Khiêm cung, đưa lên ngai vàng vào dịp Tết nguyên đán 1889. Suốt ấu thời của Nguyễn Phước Chiêu, Từ Dụ cũng dùng ảnh hưởng cá nhân để duy trì sĩ diện triều đình. Hầu hết các đại thần thuộc "cựu triều"—như Nguyễn Trọng Hợp, Trương Quang Đản, Nguyễn Thuật v.. v...—vây quanh Thái hậu trong nỗ lực tuyệt vọng đó. Từ Dụ và các cộng sự viên phần nào thành công, trên những tiểu tiết. Tuy nhiên, ít năm cuối đời, vì lý do sức khỏe, Từ Dụ xa lánh dần quốc sự. Cái chết của Từ Dụ khiến XLTV Toàn quyền Edouard Broni hân hoan báo cáo về Paris:

Như thế, sự biến dạng của Thái Hoàng Thái hậu Từ Dụ lấy đi trở ngại quan trọng giữa liên hệ của triều đình với chúng ta, từ nay liên hệ của chúng ta với triều đình trở nên dễ dàng và minh bạch hơn.(70)

70. Báo cáo ngày 29/7/1901, Broni gửi Colonies; CAOM (Aix), AF, carton 9, d. A-20 (50). “Từ Dụ” là một tên chữ Hán, đọc theo âm Việt là “Từ Dụ” hay “Từ Dũ.” Chữ Việt mới—chính thức được nhìn nhận từ năm 1916-1919—mới đủ khả năng phân biệt hai chữ “Dụ” hay “Dũ.”

Ít lâu sau, Nguyễn Phước Chiêu mất thêm thế dựa của Nguyễn Thuật. Vì một sơ suất nhỏ là thiếu công minh trong một vụ án, để tránh bị hặc tội, năm 1902 Nguyễn Thuật phải xin từ chức.(71)

71. Báo cáo số 1477, ngày 2/8/1902, Broni gửi Colonies; Ibid.

Thực ra, từ đầu năm 1896, Brière đã có ý định loại bỏ Nguyễn Thuật, đương kim Thượng thư Bộ Lại, với lý do Thuật che chở cho nghĩa quân Cần Vương trong thời gian còn nắm Tổng đốc Nghệ An. (72)

72. Báo cáo tình hình An-Nam tháng 1/1896, Brière gửi Rousseau; Ibid., Amiraux 22318.

Sự teo thu vương quyền Huế không chỉ diễn ra ở các cung điện, mà còn biểu lộ qua nghi lễ. Cho tới năm 1901, mỗi lần ghé Huế, Toàn quyền Pháp phải đến chào vua trước. Nhưng khi Doumer ghé Huế lần thứ hai năm 1901, Nguyễn Phước Chiêu—vì lo sợ Doumer không hài lòng tính hạnh và những hành vi của vua—đã tự động đến chào Doumer trước để hy vọng Doumer rộng lượng. Việc làm này thay đổi cả nghi thức (*protocol*) bảo hộ bấy lâu. Từ đó, mỗi lần Toàn quyền Pháp tới Huế, các vua Việt đều đến chào trước.(73)

73. Báo cáo ngày 17/10/1908, Klobukowski gửi BTTĐ; Ibid., AF, carton 21, d. A-30 (113).

Nghi thức với các Khâm sứ cũng thay đổi dần. Vua và các đại thần phải đến chào hỏi các Khâm sứ mỗi lần Thiên sứ Pháp đi xa về.

Ngày 21/4/1901, XLTV Toàn quyền báo cáo là vua có vẻ nghiêm túc hơn, hành vi đứng đắn; tất cả có vẻ như muốn xóa bỏ những thành kiến xấu về vua trong những năm đầu triều đại.(74)

74. Báo cáo số 547, 21/4/1901, Gougal p.i. gửi Colonies; Ibid., carton 9, d. A-20 (50).

Trọn năm 1901, vua "lo việc quốc sự ít như trong dĩ vãng." Vua chẳng cần tiếc về chuyện đó, Broni nhận định, vì mọi việc được giải quyết thật dễ dàng và nhanh chóng với Viện Cơ Mật và các thượng thư hơn là phải dính líu đến vua. Vua cũng chẳng cần ai phải chuẩn bị giúp chuyến tuần du miền Bắc, tự lo liệu từng chi tiết nhỏ.(75)

75. Báo cáo số 626, 29/3/1902, và 2/8/1902, Broni gửi Colonies; Ibid. Thành Thái kinh lý Hà Nội về tới kinh đô ngày 2/3/1902.

Tuy nhiên, niềm vui của Broni chẳng được lâu. Những hành vi quái ác của Nguyễn Phước Chiêu trong mùa Hè 1902 lại khiến nổi sóng cung đình. Ngày 21/4/1902, nhân dịp thăm Đà Nẵng, vua du ngoạn thành phố bằng xe hơi, có khoảng 30 phụ nữ cưỡi ngựa hộ tống. Gây nên những chuyện đáng tiếc với hai phụ nữ Pháp, và một lính Pháp (Paul Le Bachelier) tấn công vào ngực vợ thứ năm của vua là Thị Tiệp Như.(76)

76. Báo cáo của Hauser, Cảnh sát trưởng Tourane; Ibid., GGI, dossier 9620.

Ngày hôm sau, Khâm sứ cho lệnh vua về Huế tức khắc.

Mùa Hè 1902, dịch tả lại hoành hành ở Huế. Em út của Nguyễn Phước Chiêu là Bửu Liêm bị chết ngày 2/5. Hơn một tháng sau, ngày 3/6, Trang Ý Thái Hoàng hậu (1828-1902)—bà nội nuôi của Phước Chiêu, đã dọn vào lăng tẩm của chồng từ năm trước—cũng từ trần ở Khiêm cung.

Theo tài liệu Pháp, hành vi của Nguyễn Phước Chiêu ngày thêm thác loạn. Ngày 27/6/1902, vua trừng phạt một số người hầu ở Phú Văn Lâu. Trong cấm cung, tình trạng còn bi thảm hơn. Vua, theo tin tức mật báo, bắt các phi tần phải chia phe đánh nhau, phe thắng sẽ được ân sủng mưa móc. Con gái Nguyễn Hữu Độ, phi thứ hai của Phước Chiêu, thường bị đánh đập, hành hạ rất man dã trong những cuộc tập trận. Con gái Nguyễn Thân, Hoàng quý phi Nguyễn Gia Thị (?), cũng không thoát nạn. Dầu vậy, các đại thần vẫn mong muốn có con gái được vua nạp phi. Trương Như Cương, Thượng thư Bộ Hộ, có con gái trở thành phi thứ ba của Nguyễn Phước Chiêu.

Những "hành vi thác loạn" (*actes de démence*) liên tiếp trong cung cấm hay tại bất cứ nơi nào Nguyễn Phước Chiêu xuất hiện khiến Viện Cơ Mật bắt đầu thảo luận về những biện pháp cần thiết. Vài người muốn kiểm soát chặt chẽ, biến vua thành một thứ tù nhân, hoặc cấm vua bước khỏi Hoàng thành. Đa số thì muốn truất phế, lập người khác. Tuy nhiên họ không đồng ý về người sẽ kế vị. Mỗi đại thần có đề cử viên riêng. Đáng lưu ý là tất cả các đề cử viên đều còn nhỏ tuổi.

Ngày 30/7/1902, XLTV Khâm sứ Luce lại báo cáo lên Toàn quyền về hành vi của Nguyễn Phước Chiêu

trong tiền lục cá nguyệt 1902, và đề nghị xin truat phê.(77)

77. Báo cáo đặc biệt ngày 30/7/1902, Luce gửi Gougal; Ibid. Viện Cơ Mật, vào tháng 9/1902, gồm Nguyễn Thân, Cần Chánh; Trương Như Cương, Hộ bộ (Tài chính); và Huỳnh Vĩ (1895-1903), Bộ Lễ.

Tuy nhiên, Broni—đang XLTV chức Toàn quyền trong khi chờ đợi tân Toàn quyền Paul Beau nhận nhiệm sở—không chấp thuận. Theo Broni, nếu bắt Nguyễn Phước Chiêu thoái vị, sẽ có hai vấn nạn. Thứ nhất, phải tìm chỗ cư trú cho vua và tạo thêm những phí tổn trên một ngân sách vốn đã eo hẹp. Ngoài ra, không tìm được ai có sự cao quý, uy tín và hạnh kiểm cần thiết. Giải pháp tốt nhất, theo Broni, là cấm túc, và lập một Phủ Phụ chính "vì vua không còn khả năng tinh thần." Phủ Phụ chính sẽ tiếp tục cai trị dưới danh nghĩa vua, và sự chỉ huy của Khâm sứ. Quyền lực hợp đồng (*pouvoir collectif*) này sẽ được duy trì cho tới khi, nhờ sự thống trị của Pháp và những tư tưởng Pháp, sẽ chín mùi cho việc áp dụng chế độ hỗn hợp đã thực hiện ở Bắc Kỳ—tức một chế độ trực trị, nhưng vẫn duy trì các cán bộ và luật pháp An Nam.(78)

78. CD số 1706; và thư ngày 13/8/1902, Broni gửi Bộ Thuộc Địa; CAOM (Aix), GGI, dossier 9620.

Khâm sứ Luce vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Ngày 29/8/1902, Luce báo cáo rằng trong phiên họp Cơ Mật liên quan đến hành vi của Nguyễn Phước Chiêu, có người đề nghị cấm vua rời cung, người đòi truat phê.

Và, Luce nghiêng về lập trường thứ hai. Một tháng sau, ngày 29/9, tân Bộ trưởng Thuộc địa Gaston Doumergue (6/1902-1/1905) đòi Hà Nội báo cáo về tính hạnh Nguyễn Phước Chiêu. Ngày 11/10, Broni nhận định rằng vua bị "bệnh" [thần kinh]. Theo Broni, những biến cố trong cung cấm chẳng tạo một phản ứng quan trọng nào trong dân chúng. Chứng kiến hầu như thường nhật sự lập dị của vua, sự coi thường (*disdain*) các nghi lễ cần thiết dành cho một ông vua, dân chúng chẳng kính trọng gì nhà vua. Quan điểm chung là một sự dửng dưng khinh miệt.(78)

78. Báo cáo số 1884, 11/10/1902, Gougal gửi Colonies; Ibid., AF, carton 9, d. A-20 (50).

Mặt khác, vì sợ hãi sẽ bị trừng phạt, vua tỏ ý biết hối lỗi, niềm nở, lịch sự với Pháp cũng như các đại thần. Cuối cùng, vua còn ra một chiếu chỉ hứa sẽ thay đổi tính hạnh. Broni nhận định:

Những lời hứa trên có giá trị gì chẳng? Vua có thể thành thực, nhưng đó là một căn bệnh khiến ông ta tuân theo các sở hiếu [fantaisies] của một trí tưởng tượng bệnh hoạn, bất thường, và tinh thần trách nhiệm của vua thì rất thấp [atténuée].(79)

79. Báo cáo số 1594, 19/7/1905, Broni gửi Thuộc địa; Ibid., d. A-20 (53).

## **V. PAUL BEAU (1902-1908) & CUỘC "CHINH PHỤC TINH THẦN":**

Ngày 13/3/1902, Toàn quyền Doumer về nước; Broni tạm xử lý thường vụ. Mặc dù ngày 1/7/1902,



Paris đã cử Beau lên thay Doumer, Broni còn xử lý cho tới ngày 15/10.

Trên phương diện khai thác kinh tế thuộc địa, Beau chỉ tiếp tục những kế hoạch của Doumer. Để gia tăng thu nhập, Beau tăng thuế tiêu thụ rượu từ 25 đồng (năm 1899) lên 30 đồng một trăm lít (hectolitre) (nghị định ngày 10/9/1903), rồi từ năm 1905 giao cho công ty của Fontaine độc quyền mua và sản xuất rượu. Thực tế, quyết định này chẳng mang lại thêm lợi tức cho ngân sách Liên bang, mà ngược lại còn thất thu, và chỉ giúp làm giàu cho thương nhân Pháp. Năm 1904 tổng số thu về rượu trên toàn Đông Dương lên tới 4,240,965 đồng, và tổng số thu năm 1905 là 4,063,895 đồng, nhưng từ đó, giảm hẳn xuống, chỉ đạt được 3,176,656 đồng năm 1906, 3,504,636 đồng năm 1907, 3,937,403 đồng năm 1908, 3,659,177 đồng năm 1909, và 3,774,494 đồng năm 1912; mặc dù thuế rượu tiếp tục tăng: 33.54 đồng 100 lít năm 1906, 39.43 đồng năm 1907, 35.87 đồng năm 1908, 36.87 đồng năm 1909.( 79)

79. Xem, báo cáo ngày 4/10/1913, Tổng nha Quan thuế và Công quản (Régies) gửi Toàn quyền; Ibid., 9 PA, carton 16. Năm 1913, Tổng Giám đốc Quan thuế và Công quản nhận xét rằng hệ thống môn bài độc quyền rượu là "désastreux" (tàn hại), nhưng Paris không có phản ứng nào. Sarraut chỉ giảm thuế rượu xuống 24.04 đồng một hectolitre vào năm 1912.

#### A. CHINH PHỤC TINH THẦN:

Beau là Toàn quyền đầu tiên nghĩ đến một chính sách đối xử với người bản xứ.

Sự thay đổi đột ngột này có nhiều lý do. Trước hết là cuộc chiến tranh lạnh giữa các viên chức thuộc địa và Hội Truyền giáo, quanh vấn đề nên hay không nên ban hành tại Đông Dương các đạo luật ngày 1/7/1901 (Giáo hội không có tư cách pháp nhân làm chủ bất động sản), 7/7/1904 (bãi bỏ việc dạy học của các tu sĩ), và 9/12/1905 (tách biệt Giáo hội và chính phủ).( 80)

80. Tuck 1987, pp 255, 257, 258-60.

Thứ hai, chiến thắng của Nhật sau cuộc hải chiến Tsushima năm 1905 khiến rúng động các thế lực thực dân Âu châu. Thuật ngữ "hoàng họa" [the Yello Peril] bắt đầu lan truyền trên khắp mặt địa cầu. Trong khi đó, chiến thắng của Nhật cũng tạo xúc động mạnh mẽ trong các sắc dân bị trị. Sắc dân da trắng không còn bất bại nữa. Nhiều lãnh tụ Á châu, kể cả Trung Hoa và Việt, bắt đầu nhìn về Tokyo với lòng cảm phục và ngưỡng mộ.

Thứ ba, như một hậu quả dây chuyền, bột phát phong trào "Đông Độ" của Cường Để và Phan Bội Châu, tức đưa học sinh qua Nhật du học. Vấn đề trở nên phức tạp hơn khi một số giáo sĩ và giáo dân Ki-tô đã công khai yểm trợ Cường Để—dòng dõi Thái tử Cảnh, mà các giáo sĩ vẫn rao giảng suốt gần một thế kỷ như dòng chính truyền của Nguyễn Phước Chung, đã bị dòng Nguyễn Phước Đảm "soán ngôi," và cần được khôi phục, để đưa lên ngai vàng Huế một Constantino bản xứ đầu tiên.

Thứ tư, phong trào duy tân—như cắt tóc ngắn, cắt móng tay, để răng trắng, mặc Âu phục, lập cơ sở buôn bán—bắt đầu phát triển từ Nam ra Trung và Bắc Kỳ.

Chính sách "hợp tác" và "chinh phục tinh thần" (*conquête morale*) của Beau, dĩ nhiên, còn do tư tưởng cộng hòa, cấp tiến của Beau—dù là sự cấp tiến bị thuộc địa hoá. Ngày 23/5/1905, Beau tuyên bố đã đến lúc "phải thay thế chính sách thống trị bằng một chính sách hợp tác." Beau, ít nhất trên danh nghĩa, khuyến khích việc mở thêm trường dạy tiếng Pháp và Việt ngữ mới xuống cấp tỉnh, quận, xã; cải tổ chế độ giáo dục và thi cử, thiết lập trường "bổ túc" để huấn luyện y công, cán sự bưu điện, công chánh, canh nông, hay giáo chức.

### **1. Hội Đồng Tư Vấn Bắc Kỳ:**

Năm 1907, Beau thành lập một Hội đồng Tư vấn Bắc Kỳ, và đích thân chủ tọa lễ khai mạc ngày 14/11/1907 tại Đại Giảng đường Đại học Đông Dương.(83)

83. *BEFEO* (Hà-nội), VII:3-4 (7-12/1907), tr. 413-14.

Ngoài ra, Beau còn thành lập các Hội đồng hàng tỉnh. Những cơ chế này rút từ những khung cơ cấu đã thành lập ở Nam Kỳ.

### **2. Y tế:**

Y tế là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Pháp. Hàng chục ngàn binh sĩ và Pháp kiều đã thiệt mạng vì bệnh thời khí nhiệt đới như dịch tả, sốt rét, phù thủng, đậu mùa, hoặc các chứng bệnh khác như ho lao, v.. v... Bởi thế, Viện Pasteur nghiên cứu nhiều nhiều

bệnh nhiệt đới, và trở thành công trình vàng son nhất của thời Bảo hộ Pháp.

Beau thiết lập một Nha y tế bản xứ với nhiều nhân viên chuyên môn. Một trường Cao đẳng y tế được thiết lập ở Hà Nội năm 1902. Những y sĩ (thường gọi là "thầy thuốc") phụ trách bản xứ này là những người tiên phong trong việc áp dụng Tây y dược tại Đại Nam. Trong những y sĩ xuất sắc có Nguyễn Văn Thịnh và Lê Quang Trinh. Sau khi tốt nghiệp, Nguyễn Văn Thịnh và Lê Quang Trinh qua Pháp tu nghiệp, và cả hai đều tốt nghiệp Đại học Y khoa Paris.

### **3. Giáo dục:**

Hai trong những kế hoạch quan trọng nhất của Beau liên quan đến kế hoạch cải thiện giáo dục, và việc thành lập trường Đại học Đông Dương (*Université indochinoise*).

#### ***a. Kế hoạch cải thiện giáo dục:***

Giáo dục ở Đông Dương, trước thời Beau, chỉ nhằm mục đích đào tạo cấp tốc các thông ngôn, thư ký, nhân viên bưu điện (nhà giấy thép), hay "lục lộ" (công chính) tại các cơ quan hành chính Liên bang và các đơn vị quân sự. Ngoài ra, còn có những trường đặc biệt huấn luyện tiếng Pháp và chữ Việt mới cho những Hậu bổ, tức những người sẽ ra làm quan trong ngạch "Nam triều."

Việc tuyển chọn quan lại vẫn theo lối học và khoa cử cũ. Mặc dù có nỗ lực thiết lập các trường Pháp-Nam, nhưng số trường này rất hạn chế tại các thành phố lớn như Nam Định, Hà Nội, Hải Phòng, Vinh hay Huế. Tại

Hà Nội, trường Hậu bổ Bắc Kỳ—khởi đầu là lớp dạy chữ Quốc ngữ, tiếng Pháp tại Phủ Kinh lược cho những cử nhân, tú tài, hay ám sinh chưa có chức Hậu bổ, với học kỳ là 6 tháng, do Hoàng Trọng Phu đảm trách—chính thức thành lập do nghị định ngày 9/1/1899. Ngày 20/6/1903, học kỳ kéo dài thành 3 năm. Ngày 29/4/1908, lương học viên tăng lên 10 đồng.( 84)

84. CAOM (Aix), GGI, Amiraux 47473.

Tại Huế, trường Quốc học bắt đầu hoạt động từ năm 1897. Nhưng từ năm 1907 trở đi—do nghị định ngày 30/10/1906—trường chỉ còn dành riêng cho những người tốt nghiệp thi Hương và thi Hội (Hậu bổ) và những người có bằng tiểu học.(85)

85. Báo cáo chính trị đệ tam cá nguyệt năm 1920, 30/11/1920, Khâm sứ gửi Toàn quyền; Ibid., Amiraux 64225 (code cũ: F03 (62); GGI, dossier 5921; và, Résidence Supérieure en Annam (RSA), R-1.

Ngày 17/10/1905, Beau ký nghị định thành lập *Mission de Mandarins Indochinois* (Đoàn quan chức Đông Dương), giao cho Julien Fourès chỉ huy. Mục đích là cho các quan lại Việt qua một lớp tu nghiệp ngay tại mẫu quốc. Năm 1906, đợt quan lại đầu tiên gồm 25 người được gửi qua Pháp, gồm 5 Miên, 10 Bắc và 10 Trung.(86)

86. Ibid., GGI, dossiers 2558, 2562.

### ***b. Đại học Đông Dương:***

Beau là Toàn quyền đầu tiên đã đặt ra ngạch *tiểu học bổ túc* (trung học đệ nhất cấp) và chuyên nghiệp. Đó là trường Cán sự Y tế, khai giảng khóa đầu tiên ở Hà Nội năm 1902. Sau đó, đến hai trường bổ túc (*collège*, tức trường Pavie dành cho người Hoa, và trường Thông ngôn tại Hà Nội), và 1 trường Cán sự Nông lâm ở Hưng Hoá. Tại Nam Định thì có trường Jules Ferry, một trường đào tạo cán sự kỹ thuật. Tuy nhiên, với tinh thần trọng lối học từ chương để ra làm quan, hơn nghề tay chân, số người theo học các trường dạy nghề rất giới hạn. Cho đến năm 1908, tại Huế mới có 83 học sinh bổ túc (0.03% số tuổi tráng niên đi học), và tại Hà Nội, 403 người (0.09%). Đâu thủ khoa trường Thông ngôn, với bằng Thành Trung (*Diplôme*) đã được xưng tụng như "khôi nguyên."

Ngày 8/5/1907, Beau còn ký nghị định thành lập Đại học Đông Dương. Trụ sở trường này đặt tại Dinh Toàn quyền cũ, trên đường Concession. Tuy nhiên, hai chữ "Đại học" không chính. Ngân sách dự trù chỉ được 10,000 đồng một năm. Chương trình giảng dạy thực ra chỉ giúp những công, tư chức có cơ hội trau dồi thêm kiến thức, hoặc có dịp tiến thân trong công việc sẵn có. (87)

87. Direction Générale de l'Instruction Publique, "Rapport No. 813G, ngày 14/8/1908, tr. 13, 19; Ibid., GGI, dossier 7707.

### ***c. Quốc Ngữ:***

Vì nhu cầu thông ngôn để đáp ứng với sự mở rộng guồng máy hành chính cũng như thương mại, Beau đặc biệt khuyến khích việc giảng dạy chữ viết mới (quốc

ngữ). Trước đây, các trường Ki-tô hầu như độc quyền việc dạy "tân học." Năm 1907, trên toàn Đông Dương có 186 giáo sĩ hành nghề dạy học, gồm 29 ở Nam Kỳ, 18 ở Bắc Kỳ (2 người Việt), 7 ở An-Nam. (88)

88. CĐ số 316, 23/8/1907), Gougal gửi Colonies; Ibid., GGI, dossier 2621.

Từ năm 1900, đã có những nỗ lực xin mở một trường Trung học tại Bắc Kỳ, nhưng XLTV Thống sứ Jules Morel (9/3-18/7/1900) cho rằng chưa hợp thời. (89)

89. Báo cáo ngày 10/3/1900, Dumoutier gửi Morel; Thư ngày 3/5/1900, Morel gửi Dumoutier; Ibid., GGI, dossier 2586.

Ngày 27/4/1904, Beau ký nghị định thành lập mỗi tỉnh 1 trường Pháp-Nam. Nhưng tại Bắc Kỳ, 8 tỉnh không lập được trường; trong khi các trường tỉnh ở Trung Kỳ sĩ số không tới 40 học trò. (90)

90. Ibid., GGI, dossier 2592.

Trong niên khoá 1905-1906, tổng số trường công lập ở cả Bắc Kỳ và An-Nam chỉ được 39 đơn vị. Tại Bắc Kỳ, có 25 trường, gồm 1 trường Trung học (trường Thông ngôn Hà Nội, thành lập từ năm 1886; năm 1908, cải danh thành trường Trung học Bảo hộ, do nghị định ngày 9/12/1908 của Klobukowski). Từ năm 1895, đã có những trường dành cho con trai và gái ở Hà Nội, và trường Jules Ferry Nam Định. (Trường dạy nghề; ngày 9/12/1908, trở thành trường Trung học, do nghị định của Klobukowski) Tại An-Nam, có 14 trường, gồm 12

trường tiểu học, 1 trường dạy nghề, và 1 trường Trung học (Quốc học). Lâu đời nhất là trường Tourane, thành lập từ năm 1894.(91)

91. Báo cáo số 813G, ngày 14/8/1908, Gourdon gửi Klobukowski; Ibid., GGI, dossier 7707. Xem thêm Ibid., dossiers 2595, 2646, & Amiraux 23745, 23746.

Qua các nghị định ngày 20/6/1905 (*arrêté*) và 14/11/1905 (*décret*), Beau thành lập Tổng Nha Giáo dục Công Lập (*Direction Générale de l'Instruction Publique*), do Henri Gourdon điều khiển. An-Nam cũng có một Sở Giáo dục công lập trực thuộc toà Khâm sứ. Trường Quốc tử Giám, dành riêng cho con cháu Hoàng tộc, biến thành trường Pháp-Nam Thừa Thiên, và các lớp tiểu học của trường Quốc học được chuyển qua trường này.(91)

91. Xem Dụ ngày 30/10/1906; Ibid., Amiraux 2612.

Tại Bắc Kỳ, ngày 30/10/1906, Broni ký nghị định thành lập một trường tiểu học Pháp-Nam tại mỗi tỉnh lỵ; và những trường tương tự tại các phủ, huyện, do ngân sách tỉnh đài thọ.(Điều 6) Nhưng Bắc Kỳ chỉ thiết lập được 4 trường tiểu học mới, kể cả một trường nữ ở Hà Nội, và 1 trường sư phạm.

Số học sinh cũng gia tăng rất chậm. Niên khoá 1905-1906, tổng số học sinh là 4,181 người (Bắc Kỳ, 2906 trò, và Trung kỳ, 1275 trò). Niên học 1907-1908, số học sinh tăng lên 6,564 học sinh (Bắc Kỳ, 4962; Trung, 1602). Sự gia tăng "vội vã" này đưa tỉ lệ học sinh



tại Bắc Kỳ lên 0.09% tổng số thanh thiếu niên ở lứa tuổi phải cấp sách đến trường, và tại Trung Kỳ, 0.05 %. Số tỉ lệ này quá thấp nếu so với Nam Kỳ (0.59%, tương đương với Algérie), và bị bỏ lại quá xa đằng sau so với Madagascar (0.94%), India (1.37%), hay Philippines (3.53%).

Năm 1906, Beau còn ký nghị định thành lập Hội Đồng Hoàn Thiện Giáo Dục Bản Xứ (*Conseil de perfectionnement de l'Enseignement indigène*), với mục đích nghiên cứu sự thay dần chữ Hán bằng tiếng Pháp và chữ quốc ngữ.

Ngày 30/7/1907, Thống sứ Bắc Kỳ ra Nghị định thành lập hai trung tâm dạy quốc ngữ cho các hương sư, tại Hà Nội và Nam Định.( 92)

92. Ibid., GGI, dossier 9620.

Tuy nhiên, truyền thống chữ Nho vẫn còn mạnh. Chữ quốc ngữ mới còn hạn chế tại các trường Pháp-Nam ở tỉnh, và huyện. Nhu cầu thông ngôn vượt trội số học sinh tốt nghiệp Cao đẳng tiểu học (tiểu học bổ túc, hay ba năm đầu Trung học Đệ nhất cấp) và Tiểu học (*Certificat d'études primaires*).

Tại An-Nam, sau Dự thành lập Hội đồng Hoàn thiện Giáo dục ngày 9/3/1906, Nguyễn Phước Chiêu ký một Dự khác ngày 31/5/1906, chia việc học mới thành 3 cấp: ầu học, tiểu học và trung học. (Beau phê chuẩn ngày 22/9/1906). Ở trình độ ầu và tiểu học, học sinh học quốc ngữ, sử, địa, với hai loại ngôn ngữ giảng dạy là chữ Hán và chữ Việt. Trung học thì chỉ mở ở cấp tỉnh, với ba sinh ngữ giảng dạy. Về chữ Hán, học luân lý, cổ văn, lịch sử và hệ thống hành chính truyền thống. Tiếng Việt

giảng dạy trong các bộ môn sử, địa và khoa học. Pháp ngữ thì chỉ có những lớp cơ bản. Kỳ thi mãn khoá chia làm ba loại. Bậc ấu học, ai tốt nghiệp gọi là *Tuyên sanh*. Mức tiểu học, tốt nghiệp gọi là *Khóa sanh*. Tuổi tối đa để dự thi Khoá là 27 tuổi. Những Khoá sanh xuất sắc sẽ được miễn sưu dịch trong 3 năm. Bậc Trung học, trước hết phải thi Hạch, ai đậu sẽ được tước *Thí sanh*. Thí sanh phải tốt nghiệp Khảo khoá ít nhất đã 3 năm, và tuổi tối đa là 30. Về thi Hương, cũng như cũ. Khoá thi gồm 4 trường: chữ Hán, chữ Việt, chữ Pháp, và một kỳ thi tổng hợp cả ba bộ môn Hán, Việt, và Pháp. Ai tốt nghiệp sẽ được bằng Cử nhân, hay Tú tài, và sẽ được miễn sưu dịch suốt đời.( 94)

94. Báo cáo năm 1908 của Levecque; Ibid., GGI, dossier 5943; Dự ngày 31/5/1906; Ibid., dossier 2613.

Ngày 14/9/1906, Thành Thái ký thêm Dự cải lương học chính (XLTV Toàn quyền Broni phê chuẩn ngày 30/10/1906). Từ nay, tiếng Pháp sẽ được dạy tại các trường dành cho trẻ em, và tại các trường Pháp-Nam.(95)

95. Ibid., GGI, dossiers 2612 và 2613.

Từ năm 1906, trường Quốc học cũng cải tổ, trở thành một học hiệu chuyên về đào tạo các giáo chức.

Tuy nhiên, cho tới niên học 1907-1908, chỉ có 6,766 học sinh so với 700,000 người đang ở lứa tuổi đi học, tức chưa đầy 1%. Tại Hà Nội, 11 trong số 20 người tốt nghiệp trung học đệ nhất cấp được đi dạy học, 6 người vào trường y khoa hay công chính, 1 người đi vào

thương mại, và chỉ có một người xin thi vào ngạch thông phán (*secrétaires-interprètes*). Và, cuối niên học 1907, cả Bắc Kỳ lẫn An-Nam mới chỉ có 198 người có bằng tiểu học.

Các kỳ thi Hương và thi Hội cũng dự trù sẽ đòi hỏi kiến thức về quốc ngữ mới và Pháp ngữ, cùng những môn kiến thức tổng quát.

#### B. BEAU VÀ TRIỀU ĐÌNH HUẾ:

Trong chiến dịch "chinh phục tinh thần," Beau đồng ý với Broni về việc đối xử với Nguyễn Phước Chiêu. Nhận hiểu những tham vọng quyền chức, danh lợi của giới quan lại Việt, Beau cho rằng Nguyễn Phước Chiêu có tính ngông cuồng và những hành vi lỗ lã của vua cần được Khâm sứ giải quyết trong phạm vi địa phương, chẳng nên phóng đại quá mức. Bởi thế, việc "cai quản" Nguyễn Phước Chiêu được giao hẳn cho Khâm sứ Huế. Theo Beau, sự can thiệp của Phủ Toàn quyền chỉ khiến "những biến cố quen thuộc, do bản tính ngông nghênh, hoặc do thứ quyền hành quá đáng mà người ta đã dành cho Nguyễn Phước Chiêu trong một thời gian dài hoặc ngắn trước đó" trở thành trầm trọng một cách vô ích.(96)

96. Ibid., GGI, dossier 9577.

Bởi vậy, các Khâm sứ Jean Auvergne, Luce, Bernard Moulié và Fernand Levecque được rộng quyền đối xử với Nguyễn Phước Chiêu cũng như sắp xếp lại nhân sự Viện Cơ Mật và quan chức địa phương. Năm 1903, Nguyễn Thân và Hoàng Cao Khải đều về hưu. (97)

97. Thân nghi hưu ở Thu Xa, Quảng Ngãi, vào tháng 3/1903; và chết ngày 18/9/1914 vì thổ huyết, sau khi điều trị tại nhà thương Huế. Khai về trí sĩ ở Thái Hà Ấp, gần Hà Nội; Ibid., Amiraux, 47472.

Nguyễn Thuật thì bị ép phải từ chức. Những khuôn mặt hoàn toàn mới lạ thống trị triều đình, như Trương Như Cương (Bộ Hộ), Đào Tiên, Lê Trinh (Bộ Lễ, chết ngày 25/10/1909), Hồ Lệ, v.. v...

Dưới thời Khâm sứ Moulié (1904-1906), theo báo cáo của các viên chức Pháp, Nguyễn Phước Chiêu vẫn chứng nào tật nấy. Ngày 21/12/1904, ba binh sĩ Pháp định hành hung Thành Thái khi nhà vua cùng đoàn tùy tùng đi dạo phố. ( 98)

98. Ibid., GGI, dossier 9620.

Những việc làm lập dị, quái gở (*excentricités*) của vua trong những tháng kế tiếp được cơ quan Hiến binh Pháp ghi nhận như sau:

5/1/1905, lúc 3 giờ sáng, đến nhà Hương Ích ở Gia Hội để bắt lại một cô gái đã chạy thoát khỏi cung, đập phá nhà cửa, đốt một số vật dụng.

28/4/1905, lúc 6 giờ sáng: đánh bị thương hai tên bồi của Pháp kiêu không kịp tránh lên lề đường, cản đường xe vua chạy. Nạn nhân phải nằm nhà thương mất 15 ngày.

1/5/1905, khoảng 1 giờ sáng: Vua cho lệnh các phi tần kêu "Cháy, cháy," khiến toán cứu hỏa phải chạy tới.

5/6/1905, 3 giờ chiều: Vua cho lệnh một trạm cứu hỏa tới cung điện mùa Hè để tập cứu hỏa.

Vua sai nhà may Lập làm một áo blouse trắng và một mũ képi với 7 vạch vàng để mặc mỗi lần đi thăm phi tần.

Vua tổ chức chợ trong cung, vua làm người mua, các cung nữ làm người bán hàng; vua giả vờ ăn trộm, các phi tần phải kêu hét lên, bắt vua giải tới trạm Cảnh sát do vua đặt ra.

Vua sai nhà may Lập đi mượn đồ của các nữ tu y tá để chế biến cho đội nữ binh mặc. Vua cũng may quần áo kiểu Tây phương cho họ mặc, kể cả nịt vú có vền riềm. (99)

99. Xem Ibid., GGI, dossier 9577/76-81; và đặc biệt báo cáo ngày 21/6/1906; Ibid., pièce 85.

Moulié không muốn gây xáo động, nên chỉ phó mặc vua với những hành động ngông nghênh. Moulié còn đồng ý cho vua thành lập một đội Cận Vệ tuyển mộ trong Hoàng tộc, và tặng vua 100 khẩu súng với 12,000 viên đạn. Toán Cận Vệ này có một đặc điểm là hớt tóc cao, để răng trắng, và lộng hành khắp thành phố Huế. Nhiệm vụ chính chỉ là giải khuây cho vua, bằng cách dò bắt những gái đẹp ở các vùng lân cận. Moulié, qua sự giới thiệu của Hội truyền giáo, cũng bổ nhiệm Ngô Đình Khả làm Tổng quản Thị Vệ, trông coi an ninh Cẩm thành. Khả có nhiệm vụ kiểm soát vua, nhưng tính hạnh vua ngày càng xấu hơn.

Ngày 20/4/1906, Levecque, một viên chức thuộc địa có khuynh hướng Tam Điểm, được cử làm XLTV Khâm sứ. Những hành vi bất bình thường của Nguyễn Phước Chiêu khiến Levecque nghĩ đến việc truất phế vua, đưa người khác lên thay, và nếu cần, hủy bỏ luôn chế độ

quân chủ. Nhưng mối quan tâm đầu tiên của Levecque là những biến động đưa đến sự hình thành của phong trào quốc gia mới tại Trung Kỳ nói riêng, và toàn thể ba kỳ của Việt Nam nói chung.